



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM (VIETMEC)
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2023



10

NĂM
HÀNH TRÌNH
CHĂM SÓC SỨC KHỎE



MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 04

I. THÔNG TIN CHUNG	07	IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	49
1. Thông tin khái quát	08	1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	50
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12	2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	53
3. Sơ đồ tổ chức	14	3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	55
4. Định hướng phát triển	22		
5. Các rủi ro	24		
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023	29	V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	57
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	30	1. Hội đồng quản trị	58
2. Tổ chức và nhân sự	34	2. Ban Kiểm soát	62
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	36	3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	63
4. Tình hình tài chính	38	4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty	64
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	41		
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	43	VI. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	65
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	44	1. Định hướng phát triển bền vững	66
2. Tình hình tài chính	45	2. Các chỉ tiêu phát triển bền vững	67
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	47		
4. Kế hoạch tăng trưởng, phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2024	48	VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	70
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	48		



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông, đối tác, khách hàng cùng toàn thể CBNV!

Ngành Dược trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng chậm trong năm 2023

Nhìn lại chặng đường 2023, sau khi ghi nhận kết quả kinh doanh đầy khởi sắc trong 6 tháng đầu năm, sức cầu thấp trên diện rộng đã khiến đà tăng trưởng của ngành dược giảm tốc trong quý III và chứng kiến lợi nhuận phân hóa giữa các doanh nghiệp. So với kết quả khảo sát của Vietnam Report cách đây một năm, tỷ lệ số doanh nghiệp ngành dược tăng trưởng về doanh thu có sự sụt giảm, trong khi ở chiều ngược lại, 26,3% số doanh nghiệp trong ngành ghi nhận doanh thu kém hơn cùng kỳ (tính đến tháng 10/2023).

Tình hình chung của kênh phân phối thuốc ở các bệnh viện (ETC – thuốc có kê đơn) chứng kiến sự tăng trưởng khá tốt. Đóng góp lớn cho sự tăng trưởng của kênh này đến từ việc các quy chế đấu thầu thuốc trong bệnh viện đã được nới lỏng và thông thoáng hơn, điển hình là Luật khám, chữa bệnh số 15/2023/QH15; việc gia hạn số đăng ký thuốc (Nghị quyết số 80/2023/QH15) có hiệu lực từ tháng 1/2023, Thông tư số 06/2023/TTBYT có hiệu lực kể từ ngày 27/04 hay Nghị định số 07 và Nghị quyết số 30 ban hành vào tháng 3 của Chính phủ. Trong khi đó, tình hình kinh doanh ở mảng OTC (thuốc không kê đơn) có dấu hiệu đi ngang, thậm chí suy giảm nhẹ và đang trong giai đoạn “vàng thau lẫn lộn”. Trước tiên, sức mua qua kênh OTC bị ảnh hưởng phần nào bởi sức cầu yếu đi khi thu nhập người tiêu dùng giảm.

Theo đó, đã duy trì tăng trưởng trong quý I, có xu hướng giảm từ quý II và đà tăng nửa cuối năm cũng gặp nhiều thách thức. Ngoài ra, sau thời kỳ dịch bệnh kéo dài, lợi dụng sự rỗi ren của thị trường trong giai đoạn nhu cầu sử dụng, tích trữ các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, các sản phẩm về đường hô hấp tăng đột biến, các sản phẩm chăm sóc sức khỏe đã bùng nổ, trong khi việc kiểm soát chất lượng còn nhiều khó khăn, có những sản phẩm hàng giả, hàng nhái xuất hiện, gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng và ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển lành mạnh của thị trường dược.

Nhìn chung, với vị thế là một ngành thiết yếu, ít chịu ảnh hưởng từ những “rung lắc” của thị trường và sự suy giảm của kinh tế, trong bối cảnh ảm đạm của đa số lĩnh vực từ đầu năm đến nay, ngành dược dù không hoàn toàn “miễn dịch” song vẫn là điểm sáng trong bức tranh toàn cảnh.

Trải qua 10 năm phát triển trên hành trình phụng sự cộng đồng “Vi sức khỏe người tiêu dùng”, vượt lên những thách thức của thị trường thực hiện Slogan “1 năm thay đổi nhỏ, 2 năm thay đổi trung bình, 3 năm thay đổi lớn”

Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ năm 2023

- Doanh thu thuần: **1.481,72 tỷ đồng**
- Lợi nhuận sau thuế: **43,16 tỷ đồng**
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu là: **1.211 đồng**



VIETMEC VÌ SỨC KHỎE NGƯỜI TIÊU DÙNG

1 NĂM THAY ĐỔI NHỎ
2 NĂM THAY ĐỔI TRUNG BÌNH
3 NĂM THAY ĐỔI LỚN



Ngành dược tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024

Mặc dù đưa ra lưu ý cần theo dõi sát sao tốc độ chuyển trạng thái của nền kinh tế và nguy cơ gia tăng chi phí đầu vào do diễn biến của các cuộc xung đột trên thế giới, song nhìn chung, đa số doanh nghiệp vẫn đưa ra góc nhìn lạc quan về triển vọng của cả bản thân doanh nghiệp, ngành và nền kinh tế năm 2024. Đặc biệt theo kết quả khảo sát các doanh nghiệp, ngành dược nhiều khả năng sẽ phục hồi trước nhịp phục hồi của nền kinh tế và tình hình sẽ có những cải thiện đáng kể trong quý IV năm sau.

Về tầm nhìn dài hạn, Việt Nam được các tổ chức đánh giá là một trong những thị trường “dược phẩm mới nổi” - một nhóm các quốc gia có tỷ lệ thâm nhập dược phẩm tương đối thấp và tiềm năng tăng trưởng cao. Với dư địa phát triển lớn, ngành dược đang đón nhận những cơ hội quan trọng để thay đổi toàn diện và bứt phá trở thành một trong những trụ cột kinh tế. Trong đó, một số điểm sáng để kỳ vọng được chỉ ra, bao gồm:

- Quy mô dân số lớn, tốc độ già hóa nhanh, mức sống và trình độ dân trí ngày càng cải thiện
- Cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) mà Việt Nam đã ký kết
- Các chính sách của Chính phủ và sự chủ động nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành

Tổ chức IQVIA Institute đã đánh giá Việt Nam thuộc nhóm “Pharmerging Market” nằm trong top 17 quốc

gia có tốc độ tăng trưởng ngành dược phẩm cao nhất trên thế giới. Trong đó, tổng doanh thu toàn ngành dự kiến đạt 7,51 tỷ USD trong năm 2025, chiếm gần 2% GDP và hơn 30% chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe. Dự kiến giai đoạn từ năm 2020 đến 2025, CAGR (tốc độ tăng trưởng kép hàng năm) của ngành dược phẩm sẽ đạt 8%.

Con đường phía trước còn dài và nhiều thử thách. Nhưng với sự sẻ chia cùng phát triển, chiến lược kinh doanh, quyết định đúng đắn, giải pháp sáng tạo và kịp thời của Ban lãnh đạo cũng như sự đồng thuận của các cổ đông cùng với tinh thần đoàn kết của toàn thể cán bộ nhân viên, chúng tôi tin tưởng rằng Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam sẽ phát triển bền vững trong thị trường Việt Nam và phát triển ra Thế Giới, bảo toàn vốn cho các Cổ đông của Công ty, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024-2026 và các năm tiếp theo. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tin nhiệm và ủng hộ của Quý vị Cổ đông, cảm ơn sự hợp tác tích cực của khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên đã chung sức, đồng lòng cùng chúng tôi hoàn thành kế hoạch trong năm 2023 vừa qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

TRẦN BÌNH DUYÊN



PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
Tên giao dịch quốc tế	VIET NAM MEDICINAL MATERIALS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VIETMEC., JSC
Giấy CNĐKDN	0105196582
Vốn điều lệ	356.650.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	356.650.000.000 đồng
Địa chỉ trụ sở chính	Khu 8, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Địa chỉ văn phòng đại diện	Số 139 Đường Hồng Tiến, P. Bồ Đề, Quận Long Biên, Hà Nội
Số điện thoại	(84-24) 3984 1255
Fax	(84-24) 3668 6891
Website	www.duoclieuvietnam.com.vn
Logo	
Mã cổ phiếu	DVM
Sàn giao dịch	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1.2 GIÁ TRỊ CỐT LÕI



VIETMEC xây dựng cho mình 5 nguyên tắc không bao giờ thay đổi, là kim chỉ nam cho mọi hành động của Công ty và gọi đó là "5 giá trị cốt lõi"



 <p>KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM</p> <p>Là một công ty hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe con người nên đối với VietMec, mọi hoạt động của Công ty cũng như các cán bộ nhân viên của Công ty đều vì sứ mệnh "Mang sức khỏe đến với mọi người".</p>	 <p>HÀI HÒA LỢI ÍCH</p> <p>Lợi ích của VietMec cũng chính là lợi ích của khách hàng, cán bộ nhân viên công ty, đối tác và nhà nước.</p>	 <p>TINH THẦN TỰ TÔN DÂN TỘC</p> <p>Các sản phẩm của VietMec đều mang giá trị Việt Nam với một lòng yêu nước và niềm tin mạnh mẽ vươn ra biển lớn.</p>	 <p>ĐỔI MỚI VÀ CHẤT LƯỢNG</p> <p>Không ngừng trau dồi kiến thức và đầu tư cho hoạt động nghiên cứu để sáng chế ra những sản phẩm mới đạt hiệu quả cao trong việc chăm sóc sức khỏe con người.</p>	 <p>TÔN TRỌNG CON NGƯỜI</p> <p>Mọi quy định, quyết định cư xử của VietMec đều hướng tới xây dựng một môi trường làm việc công bằng, dân chủ, tôn trọng con người, nhằm thúc đẩy sự tin yêu và tinh thần gắn kết của cán bộ nhân viên đối với Công ty.</p>
---	---	--	---	---

1.3 TẦM NHÌN



Trở thành công ty chuyên sản xuất các sản phẩm chăm sóc sức khỏe từ nguồn nguyên liệu quý trong nước; Xây dựng thành công thương hiệu VIETMEC nổi tiếng và tin cậy, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.



1.4 SỨ MỆNH



Mang sức khỏe đến với mọi người. Gìn giữ và bảo tồn giá trị y học cổ truyền, kết hợp tinh hoa cổ truyền trên nền khoa học - công nghệ hiện đại vì sức khỏe con người.



1.5 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NĂM 2011

Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Dược liệu Đông Hán) chính thức được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/03/2011 với vốn điều lệ là 3.100.000.000 (ba tỷ một trăm triệu đồng), hoạt động chính là bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; trồng cây gia vị, cây dược liệu và bán buôn thuốc. Đó là kết quả của nhiều năm trăn trở và tâm huyết với khát vọng tạo nên những dòng sản phẩm chăm sóc sức khỏe được làm từ chính những nguồn dược liệu quý trong nước, mang thương hiệu Việt và đạt chất lượng quốc tế, khẳng định niềm tin vào thuốc Việt trong cộng đồng, đề cao chủ trương lớn “Người Việt dùng thuốc Việt”.

NĂM 2016

Công ty chuyển trụ sở chính về Phú Thọ, do đó chuyển từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội về Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ quản lý theo Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 19/10/2016. Theo hướng đầu tư công nghệ hiện đại, phát triển sản xuất các sản phẩm y học cổ truyền công nghệ cao, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đã đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất thuốc y học cổ truyền đạt chứng nhận GLP-GSP-GMP do Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế cấp và thực hành tốt sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe GMP-HS trên diện tích hơn 3.200m² tại xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

NĂM 2018

Sau 02 năm xây dựng, nhà máy sản xuất thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền của Công ty đã chính thức vận hành và nhanh chóng đạt chứng nhận GMP-WHO vào năm 2019. Đây là một trong những nhà máy tiên phong tại Việt Nam chuyên chế biến và bào chế dược liệu thành vị thuốc y học cổ truyền (YHCT) dưới dạng cốm vị thuốc (1 dạng bào chế vị thuốc YHCT mới và hiện đại nhất hiện nay thay thế cho dạng miếng thường dùng). Việc chế biến được thực hiện bằng phương pháp chiết xuất, cô áp suất giảm và sấy phun sương trên hệ thống tích hợp các thiết bị hiện đại và quy trình công nghệ tiên tiến nhất. Nhà máy đã nghiên cứu, công bố và sản xuất trên 300 loại bột hòa tan của các vị thuốc YHCT và là đơn vị đầu tiên nộp 29 bộ hồ sơ cốm vị thuốc YHCT với Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền - Bộ Y tế để mở ra hướng đi hoàn toàn mới tại Việt Nam về sử dụng thuốc cổ truyền trong đời sống y học hiện đại. Ưu điểm của vị thuốc cổ truyền dạng cốm này có thể thấy rõ là thuận lợi khi sử dụng, không phải sắc thuốc kể cả trong gia đình cũng như bệnh viện; chất lượng được đảm bảo giống với dược liệu do công nghệ sản xuất tối ưu, đóng gói theo đơn vị chia liều nên dễ dàng sử dụng cũng như bảo quản, vận chuyển; hấp thu nhanh, có thể điều chỉnh liều lượng dễ dàng, nâng cao hiệu quả điều trị, thời gian sử dụng và bảo quản trên 3 năm phù hợp với nền kinh tế công nghiệp phát triển hiện nay.

NĂM 2019

Công ty khánh thành và đưa vào hoạt động văn phòng giao dịch tại Hà Nội, với 7 tầng, diện tích mặt sàn 1500m², tại đường Hồng Tiến, quận Long Biên, Hà Nội, để hoàn thiện về cơ sở vật chất, hiện đại hóa hoạt động quản lý điều hành, phù hợp với bước phát triển mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

NĂM 2020

Ngày 21/01/2020, Công ty Thành lập chi nhánh Công ty CP Dược liệu Việt Nam tại Hà Nội.

NĂM 2021

Công ty triển khai đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc nước có công suất 682.000 lít/năm và thuốc nang mềm có công suất 40,9 triệu viên/năm. Hiện tại, các dây chuyền này được lắp đặt tại nhà máy ở Phú Thọ, trên diện tích mặt sàn 1.000m². Việc đầu tư đã hoàn thành thẩm định GMP-WHO vào cuối năm 2021 và đã bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 2/2022.

NĂM 2022

Ngày 18/03/2022, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng số 58/GCN-UBCK. Ngày 09/05/2022, Công ty đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng với số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 8.650.000 cổ phiếu (100% số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán trong đợt phát hành) với mức giá là 18.000 đồng/cổ phiếu, nâng mức vốn điều lệ của Công ty lên 365.500.000.000 đồng.

Ngày 18/05/2022, Công ty đã chính thức trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 2912/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 17/06/2022, Công ty đã được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) chấp thuận đăng ký cổ phiếu với mã chứng khoán là DVM.

Ngày 19/07/2022, cổ phiếu DVM được chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngày 23/09/2022, đồng Thành lập chi nhánh Công ty CP Dược liệu Việt Nam tại Hải Phòng và Thành Phố Hồ Chí Minh.

Tháng 11/2022, thương hiệu nhà thuốc “VIETMEC Pharmacy” được khai trương tại 139 Hồng Tiến, Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội, đánh dấu sự ra đời của Thương hiệu nhà thuốc “VIETMEC Pharmacy”.

NĂM 2023

Tháng 10/2023, Công ty vinh dự nhận được đề cử “Giải thưởng doanh nghiệp Châu Á – Asia Pacific Enterprise Awards (APEA) với hạng mục Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh (Fast Enterprise Award).

Ngày 13/10/2023, Công ty đã được UBND tỉnh Phú Thọ trao tặng bằng khen “Doanh nghiệp tiêu biểu trong lĩnh vực sản xuất góp phần chuyển đổi cơ cấu công nghiệp tăng giá trị hàng xuất khẩu và tăng thu ngân sách tỉnh”

Ngày 09/12/2023, Công ty đã khai trương nhà thuốc mới tiếp theo trong hệ thống nhà thuốc chủ quản của mình tại, 86 Lò Văn Giá, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La.

Ngày 16/12/2023, Công ty vinh dự là 1 trong 60 doanh nghiệp được Phó Chủ tịch nước Võ Thị Xuân Ánh trao bằng khen vì các đóng góp cho các hoạt động hỗ trợ cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, là 1 trong 5 doanh nghiệp tiêu biểu có đóng góp nhiều nhất và cao nhất cho hoạt động trẻ em.

Năm 2023, Công ty đã đón tiếp nhiều đoàn đối tác nước ngoài như Nhật Bản (Công ty Dược phẩm Okinawa), Hàn Quốc (Công ty Dược Okchungdang), Đức (Công ty Dược Elcom), Trung Quốc (Công ty Dược Heibei, Công ty TNHH Dược Pingcun ZhongYing), Bộ Y tế Đài Loan, Canada (Công ty Dược KC Brothers International Trading), đồng thời có cơ hội tham dự 2 triển lãm Y Dược lớn nhất thế giới tại Ấn Độ và Nhật Bản. Từ đó, mở ra cơ hội để Công ty có thể tiếp cận với công nghệ y dược và thị trường y tế phát triển trên thế giới nhằm mục đích gia tăng hơn nữa danh mục và chất lượng sản phẩm y dược của Công ty.

Đến nay, Công ty đã cung cấp ra thị trường các dòng sản phẩm khác nhau bao gồm:

- **Dược liệu:** Vị thuốc, thuốc cổ truyền, cao dược liệu, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thiết bị y tế
- **Kinh doanh sản phẩm:** Thuốc, thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, mỹ phẩm
- **Gia công:** Chiết xuất cao dược liệu, thực phẩm bảo vệ sức khỏe

Các hàng hóa, thành phẩm kinh doanh của Công ty được tiêu thụ rộng rãi trên thị trường dược phẩm trong nước với gần 1000 khách hàng, trong đó một số khách hàng lớn tiêu biểu như: Công ty Cổ phần Sao Thái Dương – chi nhánh Hà Nam, Viện y học cổ truyền quân đội, Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ,...

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

2.1 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY BAO GỒM



DƯỢC LIỆU: VỊ THUỐC, THUỐC CỔ TRUYỀN, CAO DƯỢC LIỆU, THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHOẺ, THIẾT BỊ Y TẾ

Các sản phẩm dược liệu do Công ty tự sản xuất có thể được chia thành 03 nhóm sản phẩm chính: (01) nhóm dược liệu sau sơ chế, (2) nhóm các sản phẩm cao dược liệu và (3) nhóm thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

NHÓM DƯỢC LIỆU SAU SƠ CHẾ

Nguyên liệu đầu là các cây dược liệu do Công ty tự trồng trọt hoặc nhập khẩu và thu mua trong và ngoài nước, đảm bảo nguồn gốc trồng trọt và chất lượng theo quy định của Bộ Y tế. Nguyên liệu thô sẽ được Công ty sơ chế, bán dưới dạng thành phẩm sơ chế cho các đơn vị y tế trong và ngoài nước. Một số thành phẩm sơ chế tiêu biểu như Đại táo, Quế, Cam Thất, ...



NHÓM SẢN PHẨM CAO DƯỢC LIỆU

Nguyên liệu là các dược liệu đã qua sơ chế của Công ty, được Công ty tiếp tục chiết xuất thành các sản phẩm cao dược liệu để cung ứng ra thị trường, đồng thời sử dụng làm nguyên liệu đầu vào tiếp tục sản xuất các thực phẩm bảo vệ sức khỏe. Một số sản phẩm cao dược liệu tiêu biểu của Công ty như cao đương quy, xuyên khung, cà gai leo, giảo cổ lam, thực địa, ... Sản phẩm cao dược liệu giữ nguyên tác dụng của dược liệu, có thể pha uống trực tiếp hoặc làm nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất đồng dược. Các loại sản phẩm này được ưa chuộng sử dụng vì nó không những có tác dụng chữa bệnh tốt, mà còn các tác dụng điều hòa, cân bằng sự hoạt động giữa các cơ quan, bộ phận trong cơ thể để duy trì sức khỏe, cải thiện chất lượng cuộc sống.



NHÓM THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHOẺ

Công ty sử dụng các sản phẩm cao dược liệu làm nguyên liệu chính kết hợp với một số hoạt chất phụ trợ để sản xuất ra các sản phẩm có lợi thế giữ nguyên dược tính, hương vị, dễ bảo quản và sử dụng thuận tiện như đồ uống hàng ngày, có tác dụng tốt trong việc nâng cao sức khỏe. Sản phẩm tiêu biểu kể đến như bột cốt cà gai leo, hoạt huyết dưỡng não, citiboost, ...



GIA CÔNG: CHIẾT XUẤT CAO DƯỢC LIỆU, THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHOẺ

Công ty cung cấp dịch vụ gia công trong chiết xuất cao dược liệu và sản phẩm bảo vệ sức khỏe cho các đơn vị khác. Tùy theo nhu cầu đặt hàng của từng đối tượng mà Công ty sẽ sử dụng nguồn nguyên vật liệu của Công ty hay nguồn nguyên vật liệu do chính khách hàng cung cấp, thực hiện sản xuất trên các dây chuyền và công nghệ sẵn có tạo ra sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng đồng thời tuân thủ đúng quy trình sản xuất của Công ty.

KINH DOANH SẢN PHẨM: THUỐC, THIẾT BỊ Y TẾ, VẬT TƯ TIÊU HAO, MỸ PHẨM

Ngoài các mặt hàng chủ đạo là các sản phẩm từ dược liệu, Công ty còn đẩy mạnh hoạt động nhập khẩu đồng thời tìm kiếm thu mua đối với các mặt hàng tân dược, các thiết bị y tế, vật tư tiêu hao trong ngành y từ các đối tác có sản phẩm chất lượng, đạt tiêu chuẩn để phục vụ mục đích thương mại cho các kênh phân phối của Công ty. Các mặt hàng vật tư tiêu biểu Công ty kinh doanh như túi tiểu, ống tiêm, ...

2.2 ĐỊA BÀN KINH DOANH

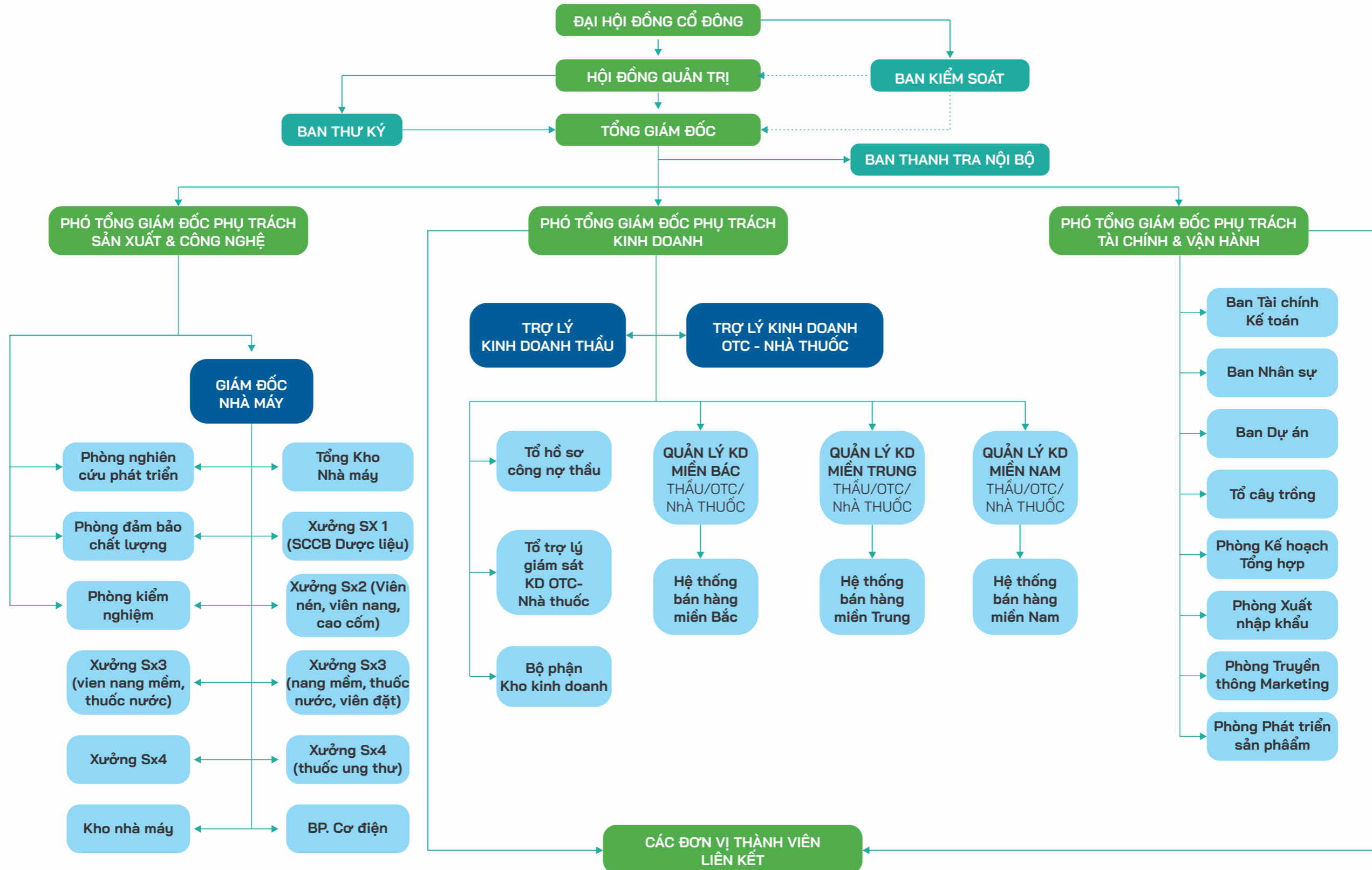
Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam đặt trụ sở chính tại Khu 8, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ; xây dựng hệ thống bán hàng rộng khắp Bắc, Trung, Nam với 03 chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng, Thành Phố Hồ Chí Minh. Công ty đã và đang triển khai hệ thống bán hàng khối thầu, khối nhà thuốc, khối OTC với các trình dược viên, các đối tác liên kết có mặt rất nhiều tỉnh thành trong cả nước.

Cho đến thời điểm cuối năm 2023, hệ thống phân phối của Công ty bao gồm 19 nhà thuốc, cung cấp sản phẩm dược và thuốc cho các bệnh viện nổi tiếng như Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ.



3. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

3.1 CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



3.2 GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông TRẦN BÌNH DUYÊN

Chủ tịch HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:
Được sỹ chuyên khoa II

Chức vụ hiện nay:
Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Không có

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 1972 – 1977**
Quản lý kỹ thuật và quản đốc phân xưởng tại Xí nghiệp dược Sơn La
- 1972 – 1977**
Phó Giám đốc tại Công ty Dược Sơn La
- 1982 – 1990**
Giám đốc tại Xí nghiệp liên hợp dược Sơn La
- 1990 – 2005**
Giám đốc tại Công ty dược liệu Tw1
- 2005 – 2010**
TGD kiêm Chủ tịch CTCP Mediplantex
- 2010 – 2015**
Chủ tịch HĐQT CTCP Mediplantex
- 2015 – 2018**
Tổng Giám đốc tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- 2018 – 06/2021**
Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- 07/2021 – nay**
Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGD phụ trách sản xuất
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
160.000 cổ phiếu (0,45% cổ phần)



Ông VŨ THÀNH TRUNG

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT kiêm người đại diện theo pháp luật tại CTCP Dược và Dịch vụ thương mại Tuyên Quang

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 2004 – 2014**
Nhân viên kinh doanh tại CTCP Dược Trung Ương Mediplantex
- 2011 – 2014**
Giám đốc tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- 2015 – 06/2021**
Chủ tịch HĐQT kiêm TGD tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- 07/2021 – nay**
Thành viên HĐQT kiêm TGD tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
7.150.000 cổ phiếu (20,06% cổ phần)



Ông NGUYỄN VĂN CẢI

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật/Được sỹ cao đẳng

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 1979 – 1990**
Nhân viên tại Xí nghiệp Dược Cửu Long
- 1991 – 1994**
Nhân viên tại Chi nhánh Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long tại Hà Nội
- 1994 – 1997**
Phó Giám đốc tại Chi nhánh Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long tại Hà Nội
- 1998 – 2020**
Giám đốc tại Chi nhánh Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long tại Hà Nội
- 01/2021 – 06/2021**
Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- 07/2021 – nay**
Thành viên HĐQT tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
Không có



Bà ĐOÀN THỊ THU HOÀI

- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Quản lý kinh tế**
- Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- **2003 – 2005**
Nhân viên lao động tại Công ty 32 (Tổng cục hậu cần – Bộ Quốc phòng)
- **2006 – 2009**
Nhân viên kế toán tại Công ty tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp (Bộ công thương)
- **2010 – 2014**
Phó phòng kế toán tại Công ty tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp (Bộ công thương)
- **2015 – 2019**
Kế toán trưởng tại CTCP Năng lượng và Đầu tư Long Giang
- **2020 – 05/2023**
Kế toán trưởng tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- **06/2023 – nay**
Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ **450.000 cổ phiếu (1,26% cổ phần)**

Ông PHẠM HOÀNG LINH

- Thành viên HĐQT độc lập
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Quản lý kinh tế**
- Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT độc lập**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Tân Hoàng Linh Phó TGD CTCP Giám định và Thẩm định Tài sản Việt Nam**

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- **04/2004 – 07/2017**
Phó Giám đốc tại Trung tâm Thẩm định giá và Đấu giá (VVFC)
- **07/2017 – 12/2020**
Giám đốc CN Tp. HCM của CTCP Đầu tư và Định giá An Dương
- **01/2021 – nay**
Phó TGD tại CTCP Giám định và Thẩm định Tài sản Việt Nam
- **07/2021 – nay**
Thành viên độc lập HĐQT của CTCP Dược liệu Việt Nam
- **09/2021 – nay**
Giám đốc tại Công ty TNHH Thương mại Tân Hoàng Linh
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: **Không có**



BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

- Trưởng Ban Kiểm soát
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kế Toán**
- Chức vụ hiện nay: **Trưởng Ban Kiểm soát**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- **2015- nay**
Trưởng phòng dự án tại Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam
- **2020-03/2023**
Thư ký tổng giám đốc tại Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam
- **08/2021 - nay**
Người được ủy quyền CBTT tại Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ **0 cổ phiếu (0 % cổ phần)**

Bà TRẦN THỊ THANH TÂM

- Thành viên Ban Kiểm soát
- Trình độ chuyên môn: **Dược sĩ đại học**
- Chức vụ hiện nay: **Thành viên Ban Kiểm soát**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- **2004 – 2009**
Nhân viên tại CTCP dược Phú Thọ
- **2009 – 2017**
Nhân viên – Giảng viên tại Trường Cao đẳng dược Phú Thọ
- **2017 – 11/2021**
Trưởng phòng kiểm nghiệm tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- **12/2021 – nay**
Trưởng phòng đảm bảo chất lượng tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- **05/2022 – nay**
Thành viên Ban Kiểm soát tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ **183 cổ phiếu (0,001% cổ phần)**





Bà DƯƠNG THỊ NGỌC

- Thành viên Ban Kiểm soát
- Trình độ chuyên môn: **Dược sĩ đại học**
- Chức vụ hiện nay: **Thành viên Ban Kiểm soát**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- **2004 – 2013**
Giảng viên tại Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ
 - **2013 – 2018**
Giảng viên khoa dược kiêm Trưởng bộ phận Dược tại Phòng khám đa khoa Trường CĐ Y tế Phú Thọ
 - **2018 – 2019**
Giảng viên Trường Cao đẳng Y dược Hà Nội
 - **2019 – 11/2021**
Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng tại CTCP Dược liệu Việt Nam
 - **12/2021 – nay**
Chuyên viên dự án tại CTCP Dược liệu Việt Nam
 - **07/2021 – nay**
Thành viên Ban kiểm soát tại CTCP Dược liệu Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
36 cổ phiếu (0,0001% cổ phần)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông VŨ THÀNH TRUNG

- Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế**
- Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT kiêm người đại diện theo pháp luật tại CTCP Dược và Dịch vụ thương mại Tuyên Quang



Ông TRẦN BÌNH DUYÊN

- Chủ tịch HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Trình độ chuyên môn: **Dược sĩ chuyên khoa II**
- Chức vụ hiện nay: **Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**



Bà ĐOÀN THỊ THU HOÀI

- Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Quản lý kinh tế**
- Chức vụ hiện nay: **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**



Ông NGUYỄN MẠNH THẮNG

- Kế toán trưởng
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính ngân hàng**
- Chức vụ hiện nay: **Kế toán trưởng**
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không có**

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- **2006 - 2018**
Cán bộ Agribank
 - **2018 - 2020**
Giám đốc tài chính của CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Hải Lợi
 - **2021 - 2022**
Giám đốc kinh doanh – Tập đoàn Kim Nam
 - **2022 - 2023**
Công ty Luật Timelaw
 - **2023 - nay**
Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ
0 cổ phiếu (0% cổ phần)

3.3 CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Hiện nay, Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam không có công ty con và có 01 công ty liên kết với thông tin như sau:

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA DVM
Công ty Cổ phần VIBFA	Hà Nội	Phôi phối sản phẩm	50.000.000.000	40,00%

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

4.1 CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Trở thành một trong những công ty phát triển vững mạnh toàn diện trong lĩnh vực Dược phẩm và lọt vào top 10 công ty sản xuất dược phẩm uy tín tại Việt Nam trong tương lai.

Trở thành công ty đi đầu trong lĩnh vực Thuốc YHCT (dạng cốm vị thuốc YHCT) vào hệ thống thuốc Bảo hiểm của Việt Nam.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

Nâng cao năng lực sản xuất, vận hành tối ưu hiệu quả sản xuất các dây chuyền nhà máy GMP-WHO: Dây chuyền sản xuất cốm vị thuốc YHCT; Dây chuyền sản xuất viên đặt; Dây chuyền sản xuất thuốc nước và nang mềm và các dây chuyền sản xuất mới đang được công ty đầu tư và đi vào hoạt động.

Đầu tư và phát triển thương hiệu nhà thuốc Vietmec Pharmacy lớn mạnh và bao phủ toàn thị trường 63 tỉnh thành của Việt Nam.

Tuyển dụng nhân sự có trình độ cao, đào tạo phát triển nhân tài.

Đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, tài chính được công khai, minh bạch.



4.2 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Cải tiến quy trình sản xuất, quy trình kiểm tra, kiểm soát chất lượng chặt chẽ theo đúng quy định của công ty và đảm bảo hệ thống tiêu chuẩn của Bộ Y tế, nâng cao tay nghề, trình độ của CBNV để nâng cao chất lượng sản phẩm, giá thành giảm, lợi nhuận tăng.

Tập trung nghiên cứu và đăng ký thành công số thuốc cốm vị thuốc YHCT cũng như nghiên cứu chính sách, quy định của pháp luật liên quan để đưa được Cốm vị thuốc YHCT vào hệ thống khám chữa bệnh trong các bệnh viện, phòng khám của Việt Nam được ghi nhận trên hệ thống thuốc bảo hiểm.

Tập trung đầu tư dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư, dịch tiêm truyền và nghiên cứu các sản phẩm thuốc đặc trị để dây chuyền sản xuất đạt hiệu quả cao khi được cấp phép và đi vào hoạt động.

Phát triển các vùng trồng nguyên liệu Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP, mở rộng mạng lưới các đối tác trong và ngoài nước để chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào, đảm bảo nguồn cung đầu vào không bị đứt gãy cũng như việc phát triển mạng lưới xuất khẩu ra nước ngoài.



Phát triển lớn mạnh mạng lưới bán hàng trong nước và mở rộng thị trường ra nước ngoài.

Nghiên cứu và tung ra sản phẩm chiến lược của VIETMEC để phủ sóng ra thị trường ghi nhận thương hiệu VIETMEC.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn, kỹ thuật cao.

Sử dụng phần mềm hệ thống để quản trị doanh nghiệp.

Luôn ý thức được việc “Vi sức khỏe người tiêu dùng”.

4.3 CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Liên tục cải tiến và đổi mới kỹ thuật sản xuất, củng cố năng lực quản trị và quản lý kinh doanh, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro... để tăng năng lực cạnh tranh và phát triển trên thị trường.

Mở rộng sản xuất kinh doanh góp phần tạo thêm nhiều việc làm cho lao động địa phương.

Tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương: quyên góp, tài trợ các chương trình, các hoạt động thiện nguyện để xây dựng xã hội văn minh, giàu đẹp.

Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn năng lượng như điện, nước, chất đốt... trong quá trình vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, bảo vệ cảnh quan trong và ngoài công ty.

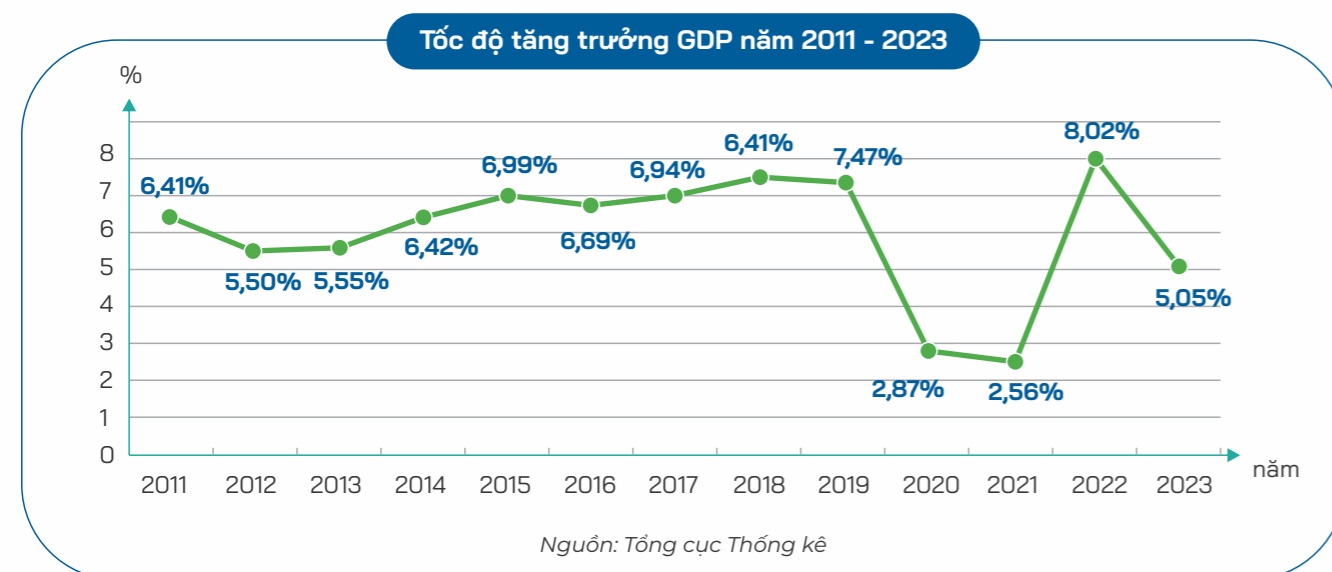


5. CÁC RỦI RO

5.1 RỦI RO VỀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng tạo nên môi trường sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, sự thay đổi của nền kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với biến động của các yếu tố vĩ mô.

Trong năm 2023, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Trong bối cảnh xảy ra nhiều bất ổn chính trị trên toàn thế giới và các cuộc khủng hoảng liên quan đến ngành bất động sản, ngân hàng, ... khiến nền kinh tế tăng trưởng ở mức thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm. Quy mô GDP năm 2023 ước đạt 430 tỷ USD, tăng trưởng 5,05% so với cùng kỳ, tương đương GDP bình quân đầu người đạt 4.284 USD/người. Mặc dù tăng trưởng GDP của Việt Nam tuy không đạt so với mục tiêu nhưng vẫn cao hơn nhiều nước trong khu vực và thế giới.

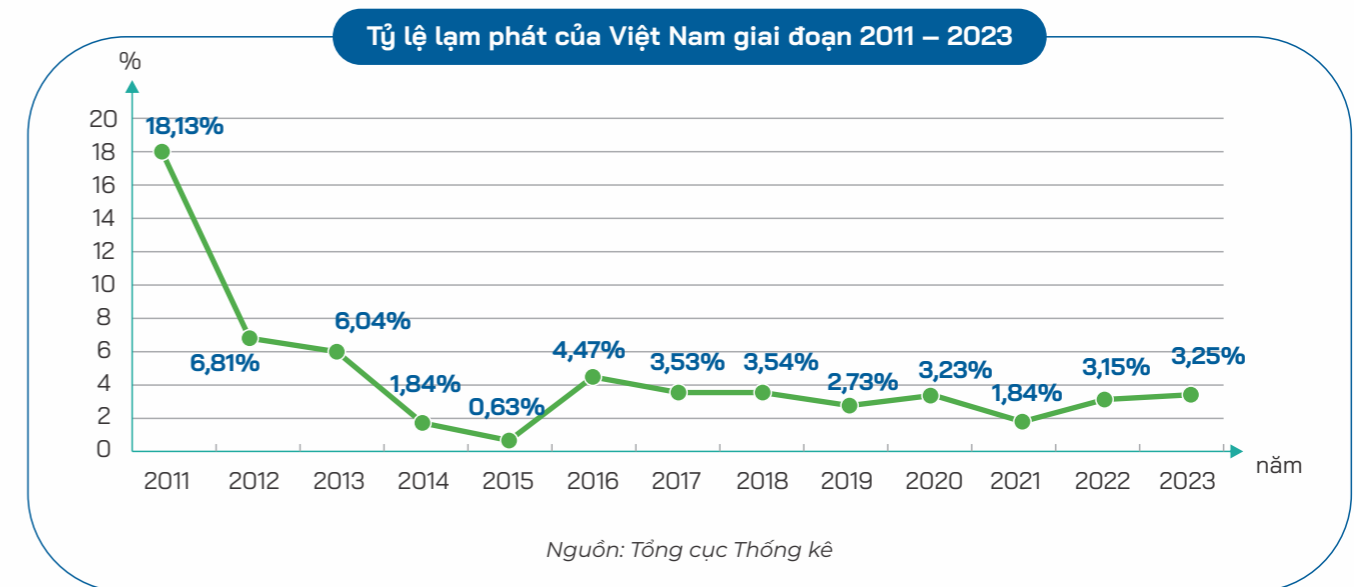


Với sản phẩm chủ lực của Công ty là các sản phẩm cao dược liệu chăm sóc sức khỏe, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân và mức độ chi tiêu của người dân. Dự báo trong năm 2024, Việt Nam tiếp tục phải đối diện với áp lực lạm phát, làm chậm lại tốc độ tăng trưởng kinh tế nói chung. Vì vậy, Công ty luôn có bộ phận chuyên môn nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa ra tư vấn cho ban điều hành xu hướng trong tương lai và những tác động kinh doanh trọng yếu, từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược phù hợp.



5.2 RỦI RO LẠM PHÁT

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.



Năm 2023 là năm xảy ra nhiều bất ổn chính trị trên toàn cầu khiến giá cả hàng hóa chung tăng vọt. Tại Việt Nam, Chính phủ đã thành công trong việc kiềm chế lạm phát dưới mức mục tiêu 4% được Quốc hội đề ra. Cụ thể, CPI năm 2023 chỉ tăng 3,25% so với năm 2022. Tuy nhiên, dự báo trong năm 2024, các rủi ro về bất ổn chính trị vẫn còn quá lớn và các Ngân hàng trung ương lớn hạ lãi suất quá sớm sẽ một lần nữa thổi bùng lạm phát quay trở lại. Trên thực tế, thị trường dược Việt Nam còn thiếu tính ổn định, do nguyên liệu sản xuất phụ thuộc tới 90% vào nguồn nhập khẩu từ nước ngoài. Sự phụ thuộc này khiến ngành dược nhạy cảm với các yếu tố bên ngoài nên việc giá cả nhập khẩu nguyên vật liệu tăng cao sẽ khiến giá thành sản phẩm đầu ra của Công ty tăng cao, làm mất tính cạnh tranh trên thị trường.

Ngoài ra, việc làm phát trong nước tăng cũng khiến người dân cẩn thận hơn với việc chi tiêu. Do sản phẩm chủ lực của Công ty là các sản phẩm dược chăm sóc sức khỏe, không mang tính chữa bệnh nên nhu cầu suy giảm do thắt chặt chi tiêu là hoàn toàn có thể dự báo được. Vì vậy, lạm phát luôn là chỉ số vĩ mô mà Công ty quan tâm và theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động kinh doanh của mình.



5.3 RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã 04 lần giảm lãi suất nhằm mục đích hỗ trợ vay vốn cho các doanh nghiệp để phục hồi. Theo đó, CTCP Dược liệu Việt Nam cũng được hưởng lợi khi có thể tiếp cận nguồn vốn vay có chi phí rẻ hơn so với giai đoạn trước. Tuy nhiên, nền kinh tế cũng tiềm ẩn nhiều khó khăn liên quan đến việc kinh doanh sản phẩm dược liệu nên Công ty cũng rất cân nhắc cho việc đi vay để thực hiện các dự án nhằm mở rộng năng suất và kênh phân phối sản phẩm.

Với mô hình kinh doanh hiện nay của Công ty, việc sử dụng vốn vay là cần thiết. Tuy nhiên, sự biến động lãi suất gây ra rủi ro chi phí đi vay tăng cao ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Vì vậy, để hạn chế tác động của lãi suất lên chi phí của Công ty, ban lãnh đạo đã và đang nghiên cứu các kế hoạch tiếp cận các nguồn vốn khác ngoài vốn vay như vốn cổ phần.



5.4 RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Dược, các bộ luật về Thuế, ... Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành hàng năm luôn có sự thay đổi, điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, những sự thay đổi này sẽ có tác động nhất định đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Quá trình này có thể dẫn đến tình trạng doanh nghiệp cập nhật không kịp thời, làm ảnh hưởng đến tính tuân thủ nghiêm ngặt được đặt ra trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty có bộ phận pháp lý thường xuyên theo dõi, dự báo, cập nhật các thay đổi của pháp luật và ảnh hưởng đối với các dự án kinh doanh của Công ty. Liên tục đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nắm vững chuyên môn pháp lý, bên cạnh đó Công ty đã sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp luật nhằm đảm bảo chuẩn bị các thủ tục pháp lý dự án đầu tư cũng như quản trị doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.



5.5 RỦI RO VỀ ĐẶC THÙ NGÀNH

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu, chủ yếu là dược liệu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành các sản phẩm của Công ty, chính vì vậy sự thay đổi giá của nguyên vật liệu tất yếu ảnh hưởng đến lợi nhuận do giá bán không thể điều chỉnh kịp thời.

Đối với mặt hàng dược phẩm, chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 70%-80% tổng chi phí và khoảng 60% doanh thu. Hiện nay, Công ty cũng nhập khẩu nguồn nguyên vật liệu cho các sản phẩm dược từ Trung Quốc thay vì sử dụng toàn bộ nguồn nguyên vật liệu trong nước. Với rủi ro kinh tế và lạm phát vẫn thường trực đối với nền kinh tế thế giới trong năm 2024, sự biến động mạnh đối với giá nguyên vật liệu là rất khó dự báo. Công ty luôn phải đảm bảo sự linh hoạt trong giá bán của sản phẩm đầu ra phải đáp ứng yêu cầu về bình ổn giá và bảo đảm hài hòa với các mục tiêu y tế và mục tiêu xã hội, do đó giá bán dược liệu, cỏm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, ... khó được điều chỉnh kịp thời khi giá thành sản xuất tăng, từ đó có thể ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.



RỦI RO HÀNG NHÁI, HÀNG KÉM CHẤT LƯỢNG

Hiện nay trong lĩnh vực hoạt động của Công ty, tình trạng hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, sao chép công thức nghiên cứu đang có xu hướng gia tăng. Công ty hiện đang phải đối mặt với vấn đề này, đặc biệt là đối với một số sản phẩm của Công ty sau nhiều năm xây dựng và phát triển đã được nhiều người tiêu dùng Việt Nam đón nhận. Tình trạng này nếu không được ngăn chặn sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín và thương hiệu của Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Để hạn chế tình trạng này, Công ty đang tích cực thực hiện đăng ký bản quyền sản phẩm và sử dụng tem chống hàng giả đối với tất cả các dòng sản phẩm.

RỦI RO NGUỒN CUNG VÀ CHẤT LƯỢNG NGUYÊN LIỆU

Nguồn cung dược liệu là một trong các yếu tố quan trọng đối với một công ty dược phẩm. Các nguồn hàng phải có xác nhận nguồn gốc, chất lượng (CO-CQ) của công ty đến từ nước ngoài (đặc biệt là Trung Quốc). Tuy nhiên ngoài việc lựa chọn được các nguồn hàng có nguồn gốc rõ ràng, có chất lượng đảm bảo thì việc thay đổi chính sách từ phía nhà cung cấp, pháp luật nước sở tại, chính sách xuất nhập khẩu cũng có thể làm ảnh hưởng đến nguồn dược liệu nhập khẩu của công ty.

Đối với nguồn dược liệu trong nước, nguyên liệu chính dùng để sản xuất thuốc y học cổ truyền, cao, cốm dược liệu, ... có đặc tính là thu hái theo mùa, phụ thuộc vào điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, phương pháp nuôi trồng, thu hái, sơ chế, chế biến và bảo quản sau thu hoạch. Vì vậy, các yếu tố bất thường về khí hậu tại Việt Nam gây ra rủi ro tiềm ẩn về đứt gãy nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước khiến Công ty phải phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu, thường có rủi ro về biến động giá cả lớn.

I. THÔNG TIN CHUNG

5.6 RỦI RO KHÁC

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất...), dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn, mặc dù ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại từ rủi ro bất khả kháng này, Công ty thường xuyên cập nhật tình hình thời tiết, dịch bệnh để nhanh chóng đưa ra các biện pháp phòng ngừa. Ngoài ra, đối với nhà máy sản xuất dược liệu của Công ty, Công ty cũng đã mua bảo hiểm cho tất cả các máy móc tài sản cố định.

5.7 QUẢN TRỊ RỦI RO

Chính sách quản lý rủi ro được xây dựng gắn liền với mục tiêu và chiến lược của Công ty, nêu rõ trách nhiệm của từng bộ phận trong việc quản lý rủi ro trong toàn bộ doanh nghiệp. Hội đồng quản trị là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng chính sách xác định và quản lý rủi ro, đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất cho Công ty.

Công ty đã thành lập các bộ phận chuyên môn nhằm thu thập thông tin chính xác, xác định và đánh giá rủi ro cho từng bộ phận, từ đó đề xuất những phương án nhằm giảm thiểu và phòng chống rủi ro. Việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quản lý rủi ro trong từng bộ phận cũng được Công ty thực hiện hàng tháng nhằm đảm bảo sự tuân thủ đối với từng cán bộ công nhân viên.

Một trong các nhiệm vụ của Hội đồng quản trị là thực hiện liên tục, cập nhật thường xuyên các chính sách quản trị rủi ro xoay quanh hoạt động thường ngày của Công ty, phù hợp với điều kiện cũng như bối cảnh của thị trường. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng là đơn vị đưa ra các chính sách xử phạt trong trường hợp vi phạm quy định về phòng ngừa rủi ro tại các bộ phận, đặc biệt là bộ phận sản xuất khi xảy ra các sự kiện không mong muốn như cháy nổ, hỏng hóc có thể ảnh hưởng nghiêm trọng, làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2022	NĂM 2023	
			Giá trị	Thay đổi (%)
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.359,27	1.532,92	12,78%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	648,23	688,67	6,24%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.178,95	1.481,72	25,68%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	54,42	43,16	-20,69%
EPS	Đồng/CP	1.526	1.211	-20,64%

Tại thời điểm cuối năm 2023, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty đều chứng kiến mức tăng trưởng lần lượt là 12,78% và 6,24%. Doanh thu thuần của Công ty cũng phục hồi ấn tượng khi đạt mức 1.481,72 tỷ đồng trong năm 2023, tăng 25,68% so với năm 2022. Tuy nhiên, trái ngược với doanh thu thuần, lợi nhuận sau thuế của Công ty sụt giảm xuống mức thấp 43,16 tỷ đồng, giảm 20,64% so với năm 2022. Nguyên nhân là do năm 2023 công ty đẩy mạnh bán hàng tồn kho dẫn đến giá vốn tăng 78.83% đồng thời giá bán của hàng tồn kho không cao. Vì vậy lợi nhuận bị ảnh hưởng giảm so với năm trước.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm được triển khai thực hiện thường xuyên liên tục: 100% nguyên vật liệu khi nhập kho đều được lấy mẫu, kiểm tra và chỉ những nguyên vật liệu đạt chuẩn mới được xem xét tiến hành nhập kho đưa vào sản xuất; 100% thành phẩm sản xuất được kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn đã đăng ký, kết quả kiểm tra đạt yêu cầu về chất lượng mới được xuất xưởng.

Trong năm 2023, nhà máy GMP WHO đã thực hiện sơ chế chế biến 2.400 tấn dược liệu; chiết suất 110,2 tấn cao; sản xuất 7,4 triệu gói cốm/Vị thuốc YHCT, 48.550 lít thuốc nước và 25,7 triệu các sản phẩm dạng viên. Điều này đã thể hiện được công suất sản xuất lớn mà nhà máy của Công ty cổ phần dược liệu Việt Nam (VIETMEC) có thể đáp ứng được hàng năm và còn nâng cao hơn nữa theo yêu cầu của khách hàng.

Việc làm cho người lao động tại nhà máy được sắp xếp hợp lý, các phân xưởng sản xuất tổ chức làm thêm giờ

tùy tình hình sản xuất thực tế tại mỗi thời điểm để đáp ứng nhu cầu hàng hóa cho kinh doanh;

Nhà máy cũng bố trí người lao động tham gia đầy đủ các buổi đào tạo GMP, các SOP và đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; đặc biệt là chú trọng đào tạo vận hành thiết bị cho công nhân tại các vị trí sản xuất đảm bảo có đủ nhân sự thay thế khi có nhân sự nghỉ việc.



HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Công tác nghiên cứu, phát triển, đăng ký sản phẩm vẫn luôn là lĩnh vực được Công ty ưu tiên hàng đầu với mục tiêu không ngừng cải tiến, nâng cao năng lực và cung cấp ra thị trường những sản phẩm có chất lượng cao nhất.

Ngoài ra, các hồ sơ sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe, các sản phẩm thuốc Y học cổ truyền theo hợp đồng gia công với các đơn vị đối tác; Công ty đã nghiên cứu thành công 646 các sản phẩm là cao khô, cốm vị thuốc, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, vị thuốc YHCT, sữa.... Tại Sở Y tế Phú Thọ, Công ty đã tự công bố và công bố cho 335 sản phẩm. Tại Cục ATTP; Cục YDCT; Cục Quản lý dược, Công ty đã đăng ký 549 sản phẩm và hiện đã được phê duyệt 224 sản phẩm, các sản phẩm còn lại đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục đăng ký.

STT	LOẠI SẢN PHẨM	CÔNG BỐ TẠI SYT PHÚ THỌ			ĐĂNG KÝ TẠI CÁC CỤC				Phê duyệt
		Tự công bố	Công bố	Cộng	Đăng ký				
					Cục ATTP	Cục YDCT	Cục QL dược	Cộng	
1	Vị thuốc YHCT					208		208	129
2	Cao khô	170		170			15	15	
3	Cốm vị thuốc YHCT	150		150		187		187	
4	Thực phẩm BVSK				91			91	91
5	Thuốc dược liệu (đông dược)						19	19	
6	Thuốc cổ truyền					29		29	4
7	Sữa		5	5					
8	Trà cốm	8		8					
9	Thực phẩm	2		2					
	Cộng	330	5	335	91	424	34	549	224



MỘT SỐ SỐ ĐỀ TÀI KHOA HỌC PHÒNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN 2023



B. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	KH 2023	TH 2023	TH 2023/KH 2023 (%)
Doanh thu thuần	1.251,28	1.481,72	118,42%
Lợi nhuận trước thuế	70,43	49,50	70,28%
Lợi nhuận sau thuế	60,86	43,16	70,92%

So với kế hoạch năm 2023 đã đề ra là doanh thu đạt 1.251,28 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 60,86 tỷ đồng, hết năm 2023, Công ty đã hoàn thành vượt mức 118,42% kế hoạch doanh thu nhưng chỉ mới hoàn thành được 70,92% lợi nhuận. Nguyên nhân chính là do giá vốn hàng bán tăng mạnh từ mức 1.013,76 tỷ trong năm 2022 lên 1.323,48 tỷ trong năm 2023, tương đương mức tăng hơn 30,55%. Năm 2023 công ty đẩy mạnh bán hàng tồn kho dẫn đến giá vốn tăng 78.83% nhưng giá bán của hàng tồn kho không cao. Vì vậy lợi nhuận bị ảnh hưởng giảm so với năm trước.



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1 DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của Công ty bao gồm 03 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng, thực hiện các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

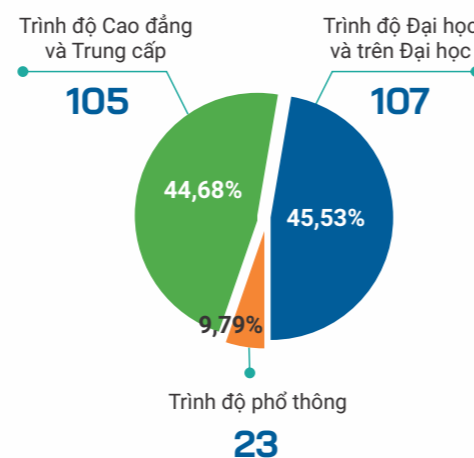
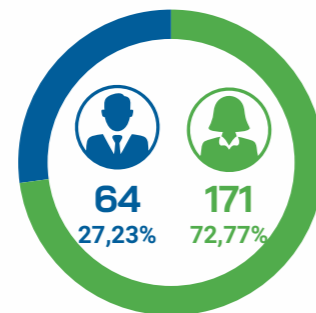


2.1 NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

STT	THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH	NGÀY THÁNG NĂM SINH	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	NGÀY BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH
1	Bà Đoàn Thị Thu Hoài	01/11/1980	Cử nhân Quản lý kinh tế	Bổ nhiệm ngày 29/05/2023
2	Ông Nguyễn Mạnh Thắng	01/02/1984	Cử nhân Tài chính ngân hàng	Bổ nhiệm ngày 29/05/2023

2.3 CƠ CẤU NHÂN SỰ

(Nguồn: CTCP Dược liệu Việt Nam)



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC:

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày và 48h/tuần, nghỉ trưa 1h, đối với các trường hợp người lao động làm việc bình thường.

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất tại nhà máy tổ chức chế độ ngày làm việc 3 ca, mỗi ca tối đa 8h và được nghỉ ít nhất 12h đồng hồ. Công ty tổ chức làm đủ 3 ca hoặc giảm bớt số ca làm việc tùy vào tình hình thực tế mỗi thời điểm đồng thời tuân thủ thời gian làm việc nghỉ ngơi theo quy định của nhà nước đối với các trường hợp người lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại.

Thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản, nghỉ phép, nghỉ lễ đảm bảo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện để làm việc như đồ bảo hộ, máy móc, thiết bị...

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO:

Công ty có chính sách tuyển dụng riêng đối với người lao động trong từng lĩnh vực (nhân viên văn phòng, công nhân trực tiếp sản xuất, cán bộ quản lý...).

Trong quá trình làm việc, người lao động được hướng dẫn đào tạo kiến thức chuyên môn để nâng cao tay nghề.

Nhân sự mới được đào tạo văn hóa công ty, kiến thức an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, kiến thức GMP (đối với công nhân) trước khi vào làm việc.

Công ty cũng thường xuyên phối hợp tuyển sinh, tuyển dụng trong các lĩnh vực thông qua hình thức tài trợ học bổng cho sinh viên; hợp tác với các trường đại học, cao đẳng thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ để tìm kiếm nhân sự chất lượng cao.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Công ty có hệ thống lương, thưởng, đóng bảo hiểm, phúc lợi, đãi ngộ cho người lao động phù hợp; theo quy định hiện hành của nhà nước gắn với tiêu chí đánh giá hiệu quả công khai, minh bạch.

Hàng quý đều đánh giá xếp loại nhân viên để có hình thức khen thưởng kịp thời; các ngày lễ, tết người lao động đều được thưởng tùy vào tình hình kinh doanh tại mỗi thời điểm. Cuối năm, thành lập hội đồng khen thưởng để thực hiện chính sách thưởng cả năm theo tiêu chí bình bầu A+, A, B, C đảm bảo công bằng cho người lao động.



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

A. NHÀ MÁY SẢN XUẤT DƯỢC LIỆU



Thông tin nhà máy: **GMP-WHO VIETMEC**
 Địa chỉ: **Khu 8 xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ**
 Quy mô: **2 ha**
 Tổng vốn đầu tư: **hơn 400 tỷ**
 Thời gian: Công ty tiến hành lựa chọn nhà thầu, xây dựng nhà máy trong quý 4/2022
 Tiến độ dự án: Hoàn thiện Dây chuyền sản xuất thuốc ung thư. Các hạng mục về hệ thống kho chuyên dụng, Xưởng sản xuất dịch tiêm truyền, Xưởng xử lý bã thải dược liệu sản xuất phân vi sinh, Nhà xe, khuôn viên cây xanh, đường nội bộ, tường rào dự kiến hoàn thành trong Quý IV năm 2024;

B. TRANG TRẠI TRỒNG DƯỢC LIỆU



Thông tin dự án: **Trồng cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ**
 Địa chỉ: **tỉnh Phú Thọ**
 Quy mô: **86 ha**
 Tổng vốn đầu tư: **100 tỷ đồng**
 Thời gian: **năm 2024**
 Tiến độ dự án: **Đang trong giai đoạn hoàn thiện**
 Mục tiêu phát triển các vùng trồng cây dược liệu của Công ty nhằm đảm bảo sự ổn định của nguồn cung nguyên vật liệu cả về giá cả, chất lượng và số lượng. Ngoài mục tiêu vùng trồng ở tỉnh Phú Thọ, Công ty dự kiến sẽ kiểm nghiệm độ hiệu quả và có kế hoạch phát triển các vùng trồng khác tại các vùng lân cận.

3.2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, Công ty tiếp tục thực hiện thi công các hạng mục còn lại của dự án nhà máy sản xuất dược liệu và hoàn thành dự án trồng cây dược liệu dưới tán rừng tại Phú Thọ.



3.3 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty liên kết của CTCP Dược liệu Việt Nam là Công ty Cổ phần VIBFA được thành lập tính đến ngày 31/12/2023 chưa đủ 03 tháng để lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động đầu tiên.



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2023	TĂNG/GIẢM CỦA NĂM 2023 SO VỚI NĂM 2022 (%)
Tổng giá trị tài sản	1.359,27	1.532,92	12,78%
Doanh thu thuần	1.178,95	1.481,72	25,68%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	63,39	48,99	-22,72%
Lợi nhuận khác	0,32	0,50	56,25%
Lợi nhuận trước thuế	63,70	49,50	-22,29%
Lợi nhuận sau thuế	54,42	43,16	-20,69%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	10%	10%	-

Tổng tài sản năm 2023 của Công ty tăng trưởng 12,78% so với năm trước, chủ yếu gia tăng về các khoản phải thu dài hạn, tài sản dở dang dài hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Khoản phải thu dài hạn phát sinh từ việc hợp tác đầu tư Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý tại tỉnh Lào Cai và tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra, trong năm Công ty cũng thực hiện mua đất để mở rộng Chi nhánh tại Hải Phòng và Đà Nẵng, chi để đầu tư vào công ty liên kết nhằm mục đích mở rộng địa bàn kinh doanh và nâng cao hệ thống phân phối sản phẩm.

Năm 2023 chứng kiến sự tăng trưởng tích cực đối với doanh thu thuần khi khoản mục này tăng trưởng 25,68% so với năm trước, đạt 1.481,72 tỷ đồng. Tuy nhiên, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh lại sụt giảm 22,72% so với năm 2022, chỉ đạt gần 49 tỷ đồng trong năm 2023. Nguyên nhân do sự tăng giá nguyên vật liệu nhập khẩu khiến giá vốn hàng bán tăng mạnh và chi phí lãi vay tăng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 theo đó cũng giảm 20,69%, chỉ đạt hơn 43 tỷ đồng. Công ty vẫn duy trì trả cổ tức tối thiểu 10% bằng tiền mặt trên mỗi cổ phiếu đảm bảo bám sát lợi ích của cổ đông gắn liền với hoạt động kinh doanh của Công ty.



4.1 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2022	NĂM 2023
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,27	1,03
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,83	0,74

Khả năng thanh toán của DVM chứng kiến sự suy giảm so với năm 2023 tuy nhiên vẫn đảm bảo an toàn khi chỉ số về hệ số thanh toán ngắn hạn vẫn duy trì trên 1, nghĩa là DVM vẫn đảm bảo thanh toán đủ cho các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Hai hệ số thanh toán suy giảm chủ yếu do mức tăng của các khoản vay và nợ thuê tài chính, từ mức gần 571 tỷ đồng trong năm 2022 lên trên 679 tỷ đồng trong năm 2023. Đây đều là các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng và tổ chức cho thuê tài chính nhằm mục đích tài trợ vốn lưu động của Công ty trong năm.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2022	NĂM 2023
Tổng nợ/Tổng tài sản	lần	0,52	0,55
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,1	1,23

Trong năm 2023, với việc gia tăng các khoản vay để tài trợ cho mục đích sản xuất kinh doanh, chỉ số Tổng nợ/Tổng tài sản của Công ty đã tăng nhẹ từ mức 0,52 lần lên 0,55 lần trong năm 2023. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn duy trì ở mức rất ổn định và cơ cấu vốn tương đối an toàn so với các doanh nghiệp trong cùng ngành. Việc duy trì các khoản nợ ở mức tương đối ổn định và an toàn giúp DVM có được khả năng tiếp cận các nguồn vốn khác một cách hiệu quả để tài trợ cho các dự án vườn trồng dược liệu dài hạn của mình.



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2022	NĂM 2023
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	3,75	5,09
Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,99	1,02

Vòng quay hàng tồn kho của DVM trong năm 2023 đã tăng đáng kể từ 3,75 vòng lên 5,09 vòng trong khi vòng quay tổng tài sản cũng chứng kiến mức tăng nhẹ lên 1,02 vòng. Việc tăng trưởng của các chỉ số này thể hiện mức cải thiện tương đối tốt đối với hoạt động kinh doanh dược liệu khi khả năng bán hàng nhanh và tiền ít bị đọng vốn tại hàng tồn kho. Đối với một doanh nghiệp sản xuất và phân phối dược liệu trực tiếp như DVM, việc các chỉ số này cải thiện được đánh giá là tín hiệu tích cực trong khâu quản trị hàng tồn và khả năng bán hàng của doanh nghiệp.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	NĂM 2022	NĂM 2023
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	4,6	2,91
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	10	6,46
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,6	2,98
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,38	3,31

Trong năm 2023, do ảnh hưởng của việc tăng giá cả nguồn nguyên vật liệu đầu vào khiến DVM không còn duy trì tỷ suất lợi nhuận tốt như các năm trước. Với đặc thù của một doanh nghiệp dược, hệ số lợi nhuận trên vốn chủ và lợi nhuận trên doanh thu thuần vốn đã rất mỏng do chi phí để tự sản xuất dược liệu cao. Theo đó, chỉ số ROS, ROE và ROA của DVM trong năm 2023 tương đối thấp, lần lượt đạt 2,91%, 6,46% và 2,98%. DVM đang có chiến lược trung và dài hạn trong việc tự chủ nguồn cung dược liệu thô nhằm hạn chế tối đa sự biến động của giá cả đầu vào. Cộng thêm việc nền kinh tế sẽ bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, DVM kỳ vọng trong các năm tiếp theo khả năng sinh lời của doanh nghiệp sẽ được cải thiện và đảm bảo khả năng tăng trưởng tốt trong dài hạn.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần: 35.650.000 cổ phần.	Tổng số cổ phần đang lưu hành: 35.650.000 cổ phần.	Cổ phần chuyển nhượng tự do 35.650.000 cổ phần.
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng 0 (không) cổ phần.	Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.	Loại cổ phần: o Cổ phần phổ thông

5.2 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

A. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI THỜI ĐIỂM 18/12/2023 (NGÀY CHỐT DANH SÁCH CỔ ĐÔNG GẦN NHẤT)

STT	NHÓM CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU (CỔ PHIẾU)	TỶ LỆ (%)
I	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
II	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	0	0	0
III	Cổ đông trong nước	1.472	35.650.000	100%
	- Cổ đông tổ chức	3	43.000	0,12%
	- Cổ đông cá nhân	1.469	35.607.000	99,88%
IV	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	- Cổ đông tổ chức	0	0	0
	- Cổ đông cá nhân	0	0	0
	Tổng cộng	1.472	35.650.000	100%

B. CƠ CẤU SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
7.150.000	20,06%

ÔNG VŨ THÀNH TRUNG

C. TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Dược liệu Việt Nam theo quy định của pháp luật là 0%.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

5.3 TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2023

Đơn vị: tỷ đồng

THỜI GIAN	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG/GIẢM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG/GIẢM	HÌNH THỨC PHÁT HÀNH
Tháng 03/2021	-	3,1	Góp vốn của các cổ đông sáng lập
Tháng 07/2014	12,9	16	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Tháng 08/2016	4	20	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Tháng 12/2016	16	36	Tăng vốn để nhận sáp nhập 01 công ty (CTCP dược Mepha-MSDN 2600348402)
Tháng 08/2017	14	50	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Tháng 03/2019	40	90	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
Tháng 01/2020	60	150	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán riêng lẻ cho NĐT khác
Tháng 06/2021	120	270	Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán riêng lẻ cho NĐT khác
Tháng 05/2022	86,5	356,5	Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

5.4 GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty không có cổ phiếu quỹ.
Trong năm 2023, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5 CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



PHẦN III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2023, do ảnh hưởng của việc tăng giá cả nguồn nguyên vật liệu đầu vào khiến DVM không còn duy trì tỷ suất lợi nhuận tốt như các năm trước. Với đặc thù của một doanh nghiệp dược, hệ số lợi nhuận trên vốn chủ và lợi nhuận trên doanh thu thuần vốn đã rất mỏng do chi phí để sản xuất dược liệu cao. Theo đó, chỉ số ROS, ROE và ROA của DVM trong năm 2023 tương đối thấp, lần lượt đạt 2,91%, 6,46% và 2,98%. DVM đang có chiến lược trung và dài hạn trong việc tự chủ nguồn cung dược liệu thô nhằm hạn chế tối đa sự biến động của giá cả đầu vào. Cộng thêm việc nền kinh tế sẽ bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, DVM kỳ vọng trong các năm tiếp theo khả năng sinh lời của doanh nghiệp sẽ được cải thiện và đảm bảo khả năng tăng trưởng tốt trong dài hạn.

STT	CHỈ TIÊU	KH 2023	TH 2023	% TH 2023/KH 2023
1	Doanh thu (tỷ đồng)	1.251,28	1.481,72	118,42%
2	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	70,43	49,50	70,28%
3	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	60,86	43,16	70,92%

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM:



CÁC NGUYÊN NHÂN CHÍNH TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:



2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1 TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị: đồng

STT	TÀI SẢN	31/12/2022	31/12/2023
I	Tài sản	831.975.444.232	823.096.744.588
1	Tài sản ngắn hạn	127.602.817.725	104.847.984.669
2	Tiền và các khoản tương đương tiền	29.700.000.000	94.772.592.688
3	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	381.322.053.917	390.417.788.408
4	Các khoản phải thu ngắn hạn	289.465.077.841	230.958.857.434
5	Hàng tồn kho	3.885.494.749	2.099.521.389
II	Tài sản ngắn hạn khác	527.290.485.044	709.823.774.029
1	Tài sản dài hạn	3.481.227.534	85.559.448.274
2	Các khoản phải thu dài hạn	318.084.548.044	337.035.999.196
3	Tài sản cố định	202.254.617.121	264.582.844.889
4	Tài sản dở dang dài hạn	3.470.092.345	2.645.481.670
	Tổng tài sản	1.359.265.929.276	1.532.920.518.617

(Nguồn: BCTC năm 2023 được kiểm toán của CTCP Dược liệu Việt Nam)

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2023 tăng 12,78% so với thời điểm cuối năm 2022 từ hơn 1.359,27 tỷ đồng lên 1.532,92 tỷ đồng. Tài sản của công ty tập trung chủ yếu ở tài sản cố định, tài sản dở dang dài hạn (là các nhà máy sản xuất dược liệu của Công ty), khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho. Trong đó, chiếm tỷ trọng nhiều nhất là khoản phải thu ngắn hạn hơn 390,42 tỷ đồng. Đây đều là các khoản phải thu từ các khách hàng tổ chức như doanh nghiệp, bệnh viện đặt hàng từ Công ty. Do đặc tính của ngành mà các đơn vị đặt hàng sẽ thanh toán theo từng đợt. Công ty đánh giá đây đều là các khoản phải thu có thể thu hồi.



2.2 TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2022	31/12/2023
I	Nợ ngắn hạn	654.072.805.548	799.144.132.464
1	Phải trả người bán ngắn hạn	55.074.792.547	94.164.743.608
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.713.918.116	452.739.347
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.949.272.246	10.875.617.933
4	Phải trả người lao động	4.140.379.867	2.083.967.591
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.565.812.244	1.371.080.529
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	6.588.840.641	4.775.314.745
7	Phải trả ngắn hạn khác	124.648.550	505.312.702
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	570.976.621.190	679.477.174.315
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.938.520.147	5.438.181.694
II	Nợ dài hạn	56.962.588.545	45.104.263.682
1	Phải trả dài hạn khác	1.965.661.900	2.623.311.900
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	54.996.926.645	42.480.951.782
	Tổng cộng	711.035.394.093	844.248.396.146

(Nguồn: BCTC năm 2023 được kiểm toán của CTCP Dược liệu Việt Nam)

Trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty, các khoản vay và nợ thuê tài chính chiếm tỷ trọng nhiều nhất. Tại thời điểm cuối năm 2023, tổng dư nợ vay của Công ty là gần 722 tỷ đồng, chiếm 85,51% tổng nợ phải trả của Công ty. Đây đều là các khoản vay của Công ty từ các Ngân hàng để tài trợ cho dòng vốn lưu động và vốn để đầu tư các dự án trang trại dược liệu của Công ty nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh. Công ty vẫn luôn chú trọng quản lý dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để trả các khoản vay. Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty không có các khoản phải trả quá hạn nào và đảm bảo các chỉ số thanh toán của Công ty giữ ở mức lành mạnh.

Hiện tại, Công ty không có bất cứ khoản vay bằng ngoại tệ nào nên việc ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến chi phí đi vay của DVM là không có. Ngoài ra, việc biến động lãi vay trong nước cũng ảnh hưởng đến chi phí của Công ty khi trong năm 2023, chi phí lãi vay của Công ty là gần 58,60 tỷ đồng. Việc quản trị rủi ro lãi vay biến động là một phần ưu tiên của Ban điều hành Công ty khi thường xuyên theo dõi, đưa ra đánh giá để tiếp cận nguồn vốn vay phù hợp với bối cảnh hoạt động của Công ty trong năm.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Quy hoạch và hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty có đầy đủ các phòng ban/bộ phận chức năng để vận hành hệ thống một cách bài bản, chuyên nghiệp. Xuất phát từ nhu cầu tăng cao của việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh & các dự án ngày một nhiều, VIETMEC không ngừng tuyển dụng người tài vào các vị trí mới để đảm đương công việc quan trọng trong Công ty. Thực hiện phân công nhân sự quản lý chung hệ thống bán hàng thuộc khối kinh doanh nhà thuốc và khối kinh doanh OTC với mục đích giúp đội ngũ kinh doanh phát triển năng lực, đảm bảo nguồn nhân lực ổn định và bền vững, hoàn thành các kế hoạch chỉ tiêu kinh doanh Ban lãnh đạo đã đề ra.

Tăng cường việc quản trị nhân sự bằng chuyển đổi số với phần mềm Base.vn: Sau 12 tháng triển khai đã tiến hành số hóa toàn bộ dữ liệu, định hình và thiết lập hệ thống, hướng dẫn 100% nhân sự khối văn phòng, khối nhà máy và khối kinh doanh làm quen với nền tảng Base.

Hiệu quả chuyển đổi số đem lại:

- Nâng cao hiệu suất công việc: hệ thống hóa các quy trình nội bộ, tăng hiệu suất và giảm rủi ro vận hành.
- Phát triển văn hóa doanh nghiệp: hệ thống hóa thông tin, kết nối nhân viên trong tổ chức, xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh.
- Tối ưu quản trị nhân sự: hỗ trợ phát triển nhân sự toàn diện, thi đua khen thưởng, tăng nội lực doanh nghiệp làm nền tảng cho lợi thế cạnh tranh.



III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. KẾ HOẠCH TĂNG TRƯỞNG, PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2024

Trên cơ sở những kết quả đạt được của năm 2023, trước tình hình dự báo đầy biến động của nền kinh tế Việt Nam và thế giới, cùng với năng lực con người, thương hiệu, uy tín của Công ty, Ban lãnh đạo xây dựng kế hoạch năm 2024 với những mục tiêu cụ thể như sau:



Nhằm đạt được kế hoạch trên, Công ty dự kiến tập trung vào nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và tối ưu các sản phẩm cũ, đồng thời tập trung mở rộng kênh phân phối qua nhà thuốc và các bệnh viện lớn.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình. (Tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, ý kiến của kiểm toán là chấp thuận toàn phần)



PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn, cũng như dựa trên tình hình thực tế, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời thống nhất và đưa ra kế hoạch hoạt động và kinh doanh. Tuy vậy, năm 2023, Công ty chưa hoàn thành một số chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra như sau:



Mặc dù vậy, HĐQT, BKS và Tổng giám đốc đã phối hợp thực hiện công việc theo đúng Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ một cách nhịp nhàng và hiệu quả đảm bảo việc điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc không bị cản trở, việc giám sát của HĐQT và BKS được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty được thực hiện đúng theo quy định.

HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG

Năm 2023 cũng là năm Công ty tăng cường các kênh quảng cáo; tích cực trong công tác phân phối tiêu thụ sản phẩm và đạt được những kết quả đáng khích lệ (doanh thu tăng so với năm trước, hoàn thành 118,42% kế hoạch doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ).



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU SẢN PHẨM

NĂM 2023 PHÒNG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN ĐÃ NỘP MỚI SỐ LƯỢNG HỒ SƠ NHƯ SAU	SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM ĐƯỢC CẤP SỐ
5 Thuốc cổ truyền	1 Thuốc cổ truyền
44 cốm vị thuốc	12 cốm vị thuốc
21 thực phẩm bảo vệ sức khỏe	21 thực phẩm bảo vệ sức khỏe
17 cao khô	17 cao khô

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

Trong năm 2023, đội ngũ nghiên cứu sản phẩm tiếp tục triển khai tiếp các đề tài còn tồn đọng từ năm 2022

STT	TÊN ĐỀ TÀI	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
1	Nghiên cứu tác dụng chống viêm, giảm đau của viên đặt TIÊU TRÍ VIETMEC trên thực nghiệm	Trường đại học y dược, Đại học Quốc gia Hà Nội
2	Ứng dụng công nghệ chiết xuất và sấy phun sương sản xuất viên nang giải độc gan từ dược liệu tại tỉnh Phú Thọ	Viện nghiên cứu Ứng dụng và phát triển
3	Nghiên cứu tác dụng của viên đặt trực tràng DTRI và viên đặt Phụ khoa VIETMEC	Trường đại học Dược Hà Nội
4	Nghiên cứu đánh giá tác dụng giữa sử dụng vị thuốc cổ truyền theo cách truyền thống và sử dụng vị thuốc cổ truyền được bào chế dưới dạng cốm	Bệnh viện Y dược học dân tộc
5	Nghiên cứu đánh giá tác dụng của sản phẩm được sản xuất từ phần hoa cải đầu để dùng cho bệnh tiền liệt tuyến	Trường đại học Dược Hà Nội

Hoàn thiện Hợp đồng Nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với Viện kiểm nghiệm thuốc Trung ương với nội dung đánh giá tương đương sinh học in vivo chế phẩm AZILANCIN so với thuốc đối chứng ZITHROMAX và nộp hồ sơ đăng ký thuốc lên Cục Quản lý Dược – Bộ y tế.

Hoàn thiện hợp đồng hợp tác dự án với phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ lọc hoá: Nghiên cứu quy trình công nghệ tách chiết, tinh chế geranin trong vỏ quả chôm chôm *Nephelium lappaceum* L để hỗ trợ điều trị bệnh cao huyết áp và tiểu đường, thu được cao chiết xuất và làm thử viên đánh giá tác dụng.

Hoàn thiện hợp đồng hợp tác dự án với phòng thí nghiệm trọng điểm công nghệ lọc hoá: Nghiên cứu quy trình công nghệ tách chiết, tinh chế geranin trong vỏ quả chôm chôm *Nephelium lappaceum* L để hỗ trợ điều trị bệnh cao huyết áp và tiểu đường, thu được cao chiết xuất và làm thử viên đánh giá tác dụng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY

Kiểm tra 100% nguyên vật liệu, hàng hóa nhập kho và thành phẩm xuất xưởng; thực hiện nghiêm túc đầy đủ quy trình sản xuất đồng thời thường xuyên giám sát thực hiện để kiên trì theo đuổi chiến lược sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có chất lượng tốt, nguồn gốc nguyên liệu rõ ràng, giá cả hợp lý tạo niềm tin cho khách hàng.

HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Công tác hạch toán kế toán luôn đảm bảo kịp thời và chính xác là cơ sở để lập các báo cáo quản trị giúp Tổng giám đốc ra các quyết định phù hợp trong điều hành sản xuất kinh doanh hiệu quả.

Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của Nhà nước về chế độ kế toán áp dụng đồng thời thực hiện đầy đủ kiểm toán báo cáo tài chính soát xét 6 tháng và báo cáo tài chính năm, báo cáo kịp thời các cơ quan quản lý theo quy định và Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Hoạt động đầu tư và thực hiện các dự án được Công ty thực hiện đầy đủ, bảo đảm tiến độ và các bước theo quy định; tiếp tục hoàn thành xây dựng các dự án nhà máy dược liệu và trang trại dược liệu để hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất.

TUYỂN DỤNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tuyển dụng, đào tạo, quản lý nhân sự luôn bám sát tình hình thực tế đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chính sách đối với người lao động (lương, thưởng, phúc lợi, giờ giấc làm việc, đào tạo chuyên môn, an toàn lao động...) luôn được thực hiện đầy đủ theo quy định của luật lao động và pháp luật hiện hành.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh; định kỳ thực hiện quan trắc môi trường cũng như chủ động báo cáo và nộp cho cơ quan chức năng theo quy định; xử lý chất thải được phân loại và xử lý phù hợp.

Công ty luôn đề cao tinh thần tương thân tương ái giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, thực hiện mục tiêu góp phần phát triển cộng đồng thông qua các hoạt động thiết thực như tặng quà cho bệnh nhân nghèo, ủng hộ tiền cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh đặc biệt, trao học bổng cho sinh viên ngành dược, ủng hộ xây dựng nghĩa trang liệt sĩ...

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam là 1 trong 5 doanh nghiệp có đóng góp tích cực nhất và tài trợ cao nhất cho "Mùa xuân cho em" lần thứ 17 với số tiền tài trợ là 5 tỷ đồng. Năm 2023, Vietmec cũng là một trong những doanh nghiệp tiêu biểu có những đóng góp tích cực cho các hoạt động vì trẻ em. Vào chiều 16/12/2023, đại diện công ty cùng đại diện các doanh nghiệp tiêu biểu đã tham gia chương trình "Tri ân những tấm lòng vàng" tại Phủ Chủ tịch và được Phó chủ tịch nước Võ Thị Ánh Xuân trao tặng bằng khen.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2023, Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin đầy đủ theo đúng các quy định của Pháp luật. Ban Tổng Giám đốc điều hành đã phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, khả năng phối hợp tốt và thống nhất trong điều hành, hướng đến mục tiêu chung mà Hội đồng quản trị giao phó.

Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành. Hội đồng quản trị đã phối hợp với Ban Tổng giám đốc để thảo luận, đề ra các phương án tháo gỡ khó khăn một cách nhanh chóng, linh hoạt và kịp thời phù hợp với bối cảnh kinh doanh của ngành dược trong năm. Đồng thời, Ban

Tổng Giám đốc cũng thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, tiếp tục đóng vai trò lãnh đạo dẫn dắt, đốc thúc đội ngũ cán bộ công nhân viên vượt qua khó khăn để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, phát triển thị trường, đảm bảo việc làm cho người lao động, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Tổng giám đốc đã có nhiều cải tiến trong công tác điều hành đã ban hành xây dựng được các quy định trong công tác quản lý và sử dụng nhân lực, trong báo cáo thực hiện công việc, áp dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành tổ chức sản xuất, quản trị bộ máy, quản trị hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, quản trị hệ thống tài chính kế toán công khai minh bạch.



TIẾP ĐOÀN NHẬT BẢN



TIẾP ĐOÀN HÀN QUỐC



TIẾP ĐOÀN ĐỨC

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



TIẾP ĐOÀN TRUNG QUỐC



TIẾP ĐOÀN ĐÀI LOAN



HỘI THẢO KHOA HỌC



THAM DỰ TRIỂN LÃM Y DƯỢC THẾ GIỚI



GIẢI THƯỞNG-THIỆN NGUYỆN

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để tiếp tục hành trình phát triển bền vững theo chiều sâu trong năm 2023, Hội đồng quản trị sẽ tập trung đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phục vụ sản xuất, mở rộng mạng lưới phân phối và nâng cao chất lượng sản phẩm. Hội đồng quản trị phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2024 như sau:



Để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cũng như thực hiện kế hoạch phát triển trong dài hạn, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng giám đốc xác định định hướng cụ thể trong năm 2024 như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị điều hành, phát triển nhân lực, xây dựng hình ảnh thương hiệu uy tín và minh bạch; xây dựng một hệ thống có nội lực mạnh mẽ nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của từng thành viên.
- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả để nâng cao năng lực sản xuất của Công ty; cải thiện năng suất lao động và quản trị hiệu quả hàng tồn kho.
- Tăng cường đầu tư nghiên cứu các sản phẩm chiến lược có tiềm năng và giá trị cao, đẩy mạnh vị thế của Công ty trên thị trường trong nước và xúc tiến hoạt động xuất khẩu sang các thị trường mới.
- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, nghiên cứu và áp dụng các công cụ quản trị rủi ro tài chính.



PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty gồm 06 thành viên, mỗi nhiệm kỳ là 05 năm do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. Danh sách HĐQT bao gồm:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/ MIỄN NHIỆM	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
1	ÔNG TRẦN BÌNH DUYÊN	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 19/07/2021	0,45%
2	ÔNG VŨ THÀNH TRUNG	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 19/07/2021	20,06%
3	ÔNG LÊ CAO HOÀNG	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 27/05/2023	0%
4	ÔNG NGUYỄN VĂN CẢI	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 19/07/2021	0%
5	ÔNG PHẠM HOÀNG LINH	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 19/07/2021	0%
6	BÀ ĐOÀN THỊ THU HOÀI	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/05/2023	1,26%

B. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị vì mỗi thành viên HĐQT đều được phân công chịu trách nhiệm về một lĩnh vực chuyên trách cụ thể.

C. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện các quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT, trong năm 2023 hội đồng quản trị đã tổ chức 34 cuộc họp với sự thống nhất cao, ban hành 38 Nghị quyết để tập trung giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết được ban hành kịp thời trên cơ sở bám sát tình hình thực tế, đảm bảo cho Công ty phát triển đúng định hướng và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Tỷ lệ tham dự các phiên họp của các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 trong năm 2023 như sau:

STT	THÀNH VIÊN	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	ÔNG TRẦN BÌNH DUYÊN	34/34	100%	
2	ÔNG VŨ THÀNH TRUNG	34/34	100%	
3	ÔNG NGUYỄN VĂN CẢI	33/34	97%	Lý do cá nhân
4	ÔNG PHẠM HOÀNG LINH	31/34	91%	Lý do cá nhân
5	BÀ ĐOÀN THỊ THU HOÀI	33/34	97%	Lý do cá nhân

Nội dung và kết quả các cuộc họp như sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ
1	01/2023/NQ-HĐQT/DLVN	15/02/2023	Nghị quyết Thông qua ban hành kế hoạch kinh doanh năm 2023-2025.
2	02A/2023/NQ-HĐQT/DLVN	10/03/2023	Thông qua Phê duyệt phương án chi tiết thực hiện đầu tư máy móc thiết bị phòng kiểm nghiệm và nghiên cứu.
3	03/2023/NQ-HĐQT/DLVN	16/03/2023	Nghị quyết Thông qua gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
4	04/2023/NQ-HĐQT/DLVN	31/03/2023	Nghị quyết Thông qua phương án vay vốn của công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam-CN Hoàn Kiếm.
5	05/2023/NQ-HĐQT/DLVN	10/04/2023	Nghị quyết HĐQT Thông qua lập Danh sách triệu tập đại hội đồng cổ đông và các nội dung dự kiến họp ĐHĐCĐ
6	06/2023/NQ-HĐQT/DLVN	05/05/2023	Nghị quyết HĐQT về việc chấp thuận khoản cấp tín dụng tại NH TNHH MTV Hong Leong
7	07/2023/NQ-HĐQT/DLVN	23/05/2023	Nghị quyết HĐQT về việc mua xe
8	08/2023/NQ-HĐQT/DLVN	24/05/2023	Nghị quyết HĐQT về sửa đổi, bổ sung một số tài liệu hợp trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
9	09/2023/NQ-HĐQT/DLVN	29/05/2023	Nghị Quyết miễn nhiệm kế toán trưởng
10	10/2023/NQ-HĐQT/DLVN	29/05/2023	Nghị quyết miễn nhiệm thư ký công ty
11	11/2023/NQ-HĐQT/DLVN	29/05/2023	Nghị quyết HĐQT Bổ nhiệm Phó tổng GD tài chính và vận hành
12	12/2023/NQ-HĐQT/DLVN	29/05/2023	Nghị quyết HĐQT Bổ nhiệm kế toán trưởng
13	12A/2023/NQ-HĐQT/DLVN	19/6/2023	NQ HĐQT Phê duyệt tái cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Nội
14	12B/2023/NQ-HĐQT/DLVN	3/7/2023	NQ HĐQT về nhận cấp tín dụng và các vấn đề liên quan đến việc nhận cấp tín dụng từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
15	13/2023/NQ-HĐQT/DLVN	6/7/2023	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua BCKT dự án
16	14/2023/NQ-HĐQT/DLVN	07/07/2023	NQ HĐQT Triển khai Phương án Phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu)
17	15/2023/NQ-HĐQT/DLVN	07/07/2023	NQ HĐQT thông qua Hồ sơ Phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu
18	16/2023/NQ-HĐQT/DLVN	08-07-2023	NQ HĐQT Triển khai Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2023
19	17/2023/NQ-HĐQT/DLVN	08/07/2023	NQ HĐQT thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

Nội dung và kết quả các cuộc họp như sau (tiếp theo):

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ
20	18/2023/NQ-HĐQT/DLVN	07/08/2023	NQ HĐQT thông qua Kế hoạch kinh doanh, vay vốn, sử dụng tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Nội
21	19/2023/NQ-HĐQT/DLVN	07/08/2023	NQ HĐQT Tài cấp hạn mức tín dụng từ ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng VP Bank
22	20/2023/NQ-HĐQT/DLVN	09/10/2023	NQ HĐQT Thông qua giao dịch tại ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
23	21/2023/NQ-HĐQT/DLVN	11/10/2023	NQ HĐQT Thông qua dừng hồ sơ vốn cp từ chủ sở hữu
24	22/2023/NQ-HĐQT/DLVN	11/10/2023	NQ HĐQT Thông qua dừng hồ sơ vốn CP đại chúng
25	23/2023/NQ-HĐQT/DLVN	11/10/2023	NQ HĐQT Thông qua vay vốn tại ngân hàng Hua nan
26	24/2023/NQ-HĐQT/DLVN	18/10/2023	NQ HĐQT Phê duyệt hợp tác đầu tư dự án "Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện Na hang, tỉnh Tuyên Quang"
27	25/2023/NQ-HĐQT/DLVN	26/10/2023	NQ HĐQT Phê duyệt vay Sinopac Bank
28	26/2023/NQ-HĐQT/DLVN	30/10/2023	NQ HĐQT Thành lập CN miền Trung
29	27/2023/NQ-HĐQT/DLVN	14/10/2023	NQ HĐQT Phê duyệt hợp tác đầu tư dự án "Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại thị xã Sapa tỉnh Lào Cai"
30	28/2023/NQ-HĐQT/DLVN	15/11/2023	NQ HĐQT Phê duyệt tín dụng vpbank
31	29/2023/NQ-HĐQT/DLVN	01/12/2023	NQ HĐQT phê duyệt mua xe
32	30/2023/NQ-HĐQT/DLVN	06/12/2023	NQ HĐQT thông qua thay đổi tài sản đảm bảo tại NH BIDV (của bà Đoàn Thị Thu Hoài)
33	31/2023/NQ-HĐQT/DLVN	07/12/2023	NQ HĐQT thông qua thay đổi tài sản đảm bảo tại NH BIDV (của ông Bùi Đức Minh)
34	32/2023/NQ-HĐQT/DLVN	11/12/2023	NQ HĐQT thông qua thanh lý và lựa chọn kiểm toán
35	33/2023/NQ-HĐQT/DLVN	14/12/2023	NQ HĐQT thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán IVA
36	34/2023/NQ-HĐQT/DLVN	14/12/2023	NQ HĐQT mua tài sản của người nội bộ (tại Hải Phòng)
37	35/2023/NQ-HĐQT/DLVN	14/12/2023	NQ HĐQT mua tài sản của người nội bộ (tại Đà Nẵng)
38	36/2023/NQ-HĐQT/DLVN	19/12/2023	NQ HĐQT thông qua góp vốn thành lập tại công ty cổ phần vibfa

HĐQT đã thường xuyên kiểm tra tình hình, đôn đốc việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kịp thời phối hợp với Ban Tổng giám đốc để có các biện pháp phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài ra, HĐQT còn phối hợp với Ban kiểm soát Công ty tăng cường thực hiện chức năng giám sát, quản lý chỉ đạo tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

D. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể công việc theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT đồng thời giám sát, chỉ đạo và đôn đốc Tổng giám đốc triển khai thực hiện các Nghị quyết theo từng lĩnh vực đã được phân công.

Trong năm 2023, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khẩn trương, phát huy năng lực lãnh đạo vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty. Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, điều lệ và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc lập và thực hiện

chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên Hội đồng quản trị, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các nghị quyết, thông báo của Hội đồng quản trị.

Thành viên hội đồng quản trị độc lập đã có những đóng góp tích cực trong quá trình hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty, cùng Hội đồng quản trị quản lý, giám sát hoạt động điều hành kinh doanh.

Các thành viên Hội đồng quản trị được giao phụ trách các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty cũng đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



E. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tất cả các thành viên HĐQT Công ty chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty theo quy định. Tuy nhiên chúng tôi thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị Công ty và sẽ tham gia khi các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.



2. BAN KIỂM SOÁT

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát bao gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua, Trưởng ban do các thành viên BKS bầu, cụ thể như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/NGÀY KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN BKS	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
1	Bà Nhữ Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 27/05/2023	0%
2	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 29/05/2023	0%
3	Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát		0,001%
4	Bà Dương Thị Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát		0,0001%

B. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tỷ lệ tham dự các phiên họp của các thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2023 như sau:

STT	THÀNH VIÊN	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Bà Nhữ Thị Thu Trang	1/3	33%	Bổ nhiệm ngày 29/05/2023
2	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	2/3	67%	Miễn nhiệm ngày 27/05/2023
3	Bà Trần Thị Thanh Tâm	3/3	100%	
4	Bà Dương Thị Ngọc	3/3	100%	

Đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và theo yêu cầu để nắm tình hình hoạt động của Công ty. Ban Kiểm soát thực hiện:

- Giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tham gia góp ý và giám sát việc ban hành và thực hiện các quy chế quản lý của công ty phù hợp với Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.
- Đẩy mạnh giám sát các hoạt động của HĐQT tuân thủ Điều lệ, tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ cũng như các quy định của pháp luật hiện hành.
- Theo dõi kiểm tra việc thực hiện các quy chế quy định đã ban hành.
- Tham gia soát xét hồ sơ niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Tham gia cùng Ban điều hành thực hiện kiểm tra một số hoạt động tại nhà máy Phú Thọ đồng thời giám sát việc tổ chức thực hiện các dự án đầu tư của Công ty (phát triển vùng trồng, dây chuyền sản xuất thuốc điều trị ung thư ...).
- Phối hợp cùng các Phòng ban chức năng trong công tác phát triển nguồn nhân lực, xiết chặt kỷ luật lao động, thúc đẩy bán hàng do công ty sản xuất.

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HĐQT thông qua việc được cung cấp đầy đủ và rõ ràng những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng như quản trị doanh nghiệp trong các cuộc họp HĐQT. Qua các cuộc họp cùng HĐQT, Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến một cách thẳng thắn để cùng nhau phân tích, đánh giá đưa ra những quyết định tối ưu nhất vừa tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành vừa tối ưu hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan. Bên cạnh đó, trong quá trình giám sát việc thực hiện hoạt động Công ty, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã nhiệt tình cung cấp các thông tin theo yêu cầu, tạo mọi điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

A. LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao của HĐQT và BKS năm 2023, đã thực hiện chi trả là 0 đồng

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc năm 2023 là **2.237.294.569 đồng**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LƯƠNG (VNĐ)
1	Vũ Thành Trung	Tổng Giám đốc	719.455.785
2	Trần Bình Duyên	Phó Tổng Giám đốc	530.386.174
3	Đoàn Thị Thu Hoài	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29/05/2023)	714.709.220
4	Nguyễn Mạnh Thắng	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 29/05/2023)	272.743.390

B. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU TRƯỚC KHI GIAO DỊCH		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU SAU KHI GIAO DỊCH		LÝ DO TĂNG, GIẢM
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Trần Bình Duyên	Chủ tịch HĐQT	230.000	0,56%	160.000	0,45%	Lý do cá nhân

C. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Không có.

D. GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có.

4. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2023, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

4.1 TUÂN THỦ QUY ĐỊNH VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN:

Bộ phận phụ trách Công bố thông tin của DVM thường xuyên cập nhật thông tin và thực hiện tốt các quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng được quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 96/2020/TT-BTC và các văn bản pháp luật liên quan.

Công ty luôn công bố thông tin đầy đủ và đúng hạn như: Báo cáo tài chính kiểm toán năm, Báo cáo tài chính hàng quý, Báo cáo thường niên, công bố thông tin về tổ chức ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT, ... và các thông tin theo quy định khác. Trong năm, Công ty không bị xử phạt vì vi phạm quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

4.2 HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

Ban lãnh đạo của Công ty luôn chú trọng việc minh bạch trong hoạt động đối với các nhà đầu tư như là một cách để quảng bá hình ảnh công ty cũng như xây dựng niềm tin từ cộng đồng. Công ty đang đẩy mạnh việc tiếp xúc với nhà đầu tư thông qua nhiều nguồn, từ trực tiếp đến gián tiếp thông qua website, thông cáo báo chí, ấn phẩm, ...

4.3 NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty chú trọng xây dựng, hoàn thiện và ban hành lộ trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ vào việc kiểm soát, vận hành hoạt động kinh doanh thường ngày của doanh nghiệp. Với mô hình kinh doanh bao gồm cả sản xuất và trực tiếp phân phối qua nhiều kênh, Ban lãnh đạo của Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của việc áp dụng hệ thống quản trị công nghệ thông tin để đồng bộ giữa phân tích dữ liệu, kiểm soát rủi ro hoạt động và tính nhanh chóng cho việc đưa ra quyết định.

Ngoài ra, công tác quản trị nhân sự cũng được Công ty quan tâm vì yếu tố con người là yếu tố quyết định thành hay bại của một doanh nghiệp. Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra các kế hoạch phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các mục tiêu dài hạn của công ty. Công ty không ngừng hợp tác với các tổ chức đào tạo được số có uy tín, kết hợp với các chính sách đãi ngộ minh bạch để thu hút nhân tài. Các chính sách về phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích đổi mới sáng tạo trong nội bộ đang được Công ty dần hoàn thiện và triển khai.

4.4 KẾ HOẠCH HỌC TẬP, ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty, tham gia các cuộc hội thảo về quản trị công ty do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức (nếu có). Việc đảm bảo việc tuân thủ pháp luật về quản trị công ty đại chúng được coi là ưu tiên được đặt lên hàng đầu trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban lãnh đạo Công ty.



PHẦN VI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

A. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Công ty luôn gắn chiến lược phát triển bền vững vào chiến lược phát triển chung của doanh nghiệp để đảm bảo tăng trưởng trong dài hạn. Công ty mong muốn tạo ra thêm giá trị cho xã hội, môi trường và đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan. Hội đồng quản trị đóng vai trò là cơ quan đưa ra định hướng, chính sách phát triển bền vững chung của toàn Công ty, đồng thời chỉ đạo để đảm bảo việc phát triển bền vững gắn với lợi ích của cổ đông của Công ty. Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty chịu trách nhiệm đánh giá, triển khai, báo cáo với Hội đồng quản trị về việc tuân thủ chính sách phát triển bền vững mà HĐQT đưa ra trong năm.

KHÁCH HÀNG – ĐỐI TÁC

DVM đặt uy tín và chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, đưa đến cho khách hàng các sản phẩm chăm sóc sức khỏe tốt nhất với mong muốn cuộc sống của khách hàng luôn khỏe mạnh và vui vẻ.

Các ý kiến của khách hàng về chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ đều được Công ty ghi nhận và được Ban điều hành ưu tiên kiểm tra, giải quyết và đề ra phương án thay đổi.

DVM hướng tới sự tin tưởng, uy tín và tôn trọng lợi ích lẫn nhau để cùng mang lại lợi ích cho xã hội.

Các vấn đề phát sinh trong quá trình hợp tác đều được Công ty hướng đến việc giải quyết đầy thiện chí, đảm bảo quyền lợi của các nhà cung cấp hoặc bệnh viện đối tác.

CỔ ĐÔNG

Xây dựng và duy trì chính sách quản trị minh bạch, hiệu quả

Công bố thông tin đầy đủ, chính xác, tuân thủ quy định của pháp luật.

Chính sách cổ tức được Công ty duy trì ổn định qua các năm nhằm củng cố niềm tin của cổ đông vào khả năng sinh lời trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xây dựng chính sách đãi ngộ minh bạch, công bằng đối với toàn bộ cán bộ công nhân viên, bao gồm cả khối sản xuất và khối văn phòng.

Thường xuyên tổ chức các sự kiện nhằm mục đích gắn kết tinh thần đời sống của nhân viên, lấy sự hài lòng của nhân viên làm trọng tâm trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp khỏe mạnh.

Xây dựng chính sách hỗ trợ đối với các cán bộ nhân viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tạo điều kiện cho họ được an tâm làm việc.

CỘNG ĐỒNG

Gắn liền sự phát triển của Công ty với sự phát triển của các địa phương nơi mà Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tích cực tham gia các chương trình thiện nguyện nhằm giúp đỡ cộng đồng gặp hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.

Đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ thuế và đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường, đặc biệt là đối với hoạt động sản xuất tại nhà máy của Công ty.

Có chính sách để đảm bảo sử dụng hiệu quả và tiên kiệm các nguồn tài nguyên.

2. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2.1. CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Nhận thức vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất, Công ty liên tục đưa ra các chính sách nhằm đánh giá và kiểm soát nguồn phát thải (của cả nhà máy và văn phòng) đối với môi trường xung quanh. Trong năm 2023, Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không



2.2. QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguồn nguyên vật liệu chính của Công ty là cây dược liệu được nhập khẩu từ Trung Quốc, đảm bảo đáp ứng đầy đủ quy định an toàn của Bộ Y tế.

Ngoài ra, Công ty có các quy trình và quy định sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa các nguyên vật liệu hỏng trong quá trình sản xuất, tránh gây lãng phí và việc tiêu hủy ảnh hưởng đến môi trường.

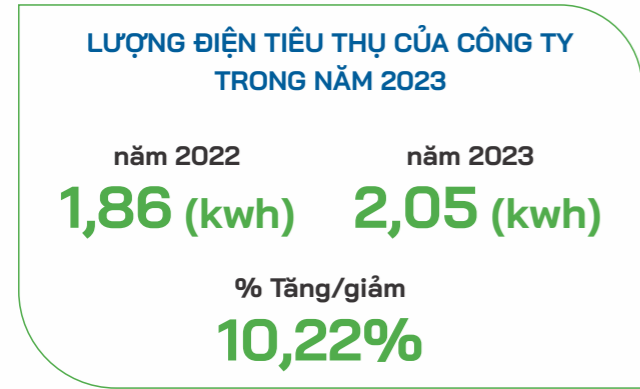


2.3 TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty chủ yếu sử dụng điện năng cho hoạt động sản xuất dược liệu tại nhà máy.

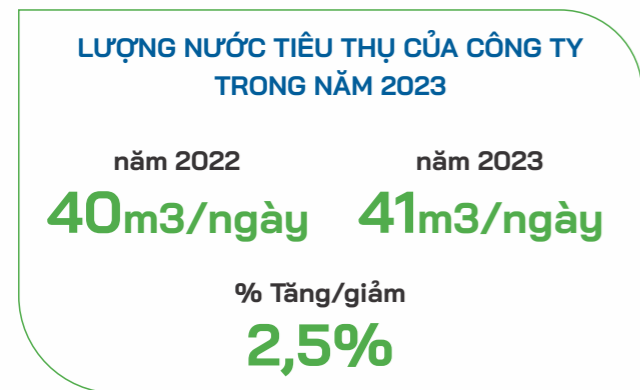
Đối với nhà máy: Công ty luôn có hướng dẫn và chế tài xử phạt đối với các vi phạm liên quan đến không tiết kiệm điện, để xảy ra sự cố điện gây mất an toàn, ...

Đối với khối văn phòng: Công ty luôn khuyến khích các cán bộ nhân viên của công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp tiết kiệm năng lượng như: tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, sử dụng điều hòa một cách hợp lý, ưu tiên sử dụng bóng đèn LED để tiết kiệm điện ... Nhờ đó Công ty có thể giảm thiểu chi phí, vừa có thể góp phần giảm thiểu tác động gây hại lên môi trường



2.4 TIÊU THỤ NƯỚC

Việc quản lý tiêu thụ nước sạch cũng được Công ty chú trọng như quản lý tiêu thụ điện. Trong năm 2023, Công ty thường xuyên đôn đốc cán bộ công nhân viên khối văn phòng và khối sản xuất tự giác tiết kiệm nước, có những hoạt động kiểm tra nước rò rỉ và tái sử dụng nước cho các hoạt động của nhà máy.



2.5 CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Các bộ công nhân viên của Công ty được đảm bảo đóng BHYT và BHXH với tỷ lệ 100% đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Định kỳ 1 năm/lần, Công ty tổ chức khám sức khỏe cho người lao động; tổ chức tham quan du lịch; tổ chức Hội thao nhằm tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích dành cho CBNV có cơ hội giao lưu, luyện tập thể dục thể thao, nâng cao tinh thần đoàn kết; thể hiện tinh thần “làm việc tốt, vui chơi khỏe” của CBNV VIETMEC; tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC cho CBNV; huấn luyện an toàn lao động; huấn luyện an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn điện hàng năm,... Ngoài ra Ban lãnh đạo rất chú trọng việc tăng cường các chính sách phúc lợi khác để người lao động yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: CBNV được đào tạo tại nơi làm việc; đào tạo tập trung tại các khóa do Công ty tổ chức; cử tham gia các khóa học bên ngoài Công ty. Nhóm Chuyên viên/ Nhân viên được đào tạo tập trung/tại chỗ theo quy hoạch (tất cả các module như đào tạo định hướng, chuyên môn, năng lực lãnh đạo, đào tạo văn hóa, đào tạo về các vấn đề mới của Công ty...) tối thiểu 02h giờ/tháng. Nhóm Cán bộ Quản lý (cấp trung và cao cấp) Khối kinh doanh và Khối Nhà máy có trách nhiệm giảng dạy CBNV cấp dưới/giảng dạy chuyên môn tối thiểu 08h/tháng; các bộ phận còn lại tối thiểu 02h/tháng.

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: CBLĐ được đào tạo về năng lực lãnh đạo, năng lực quản trị căn cứ trên danh mục các khóa học do Phòng HCNS lập để đăng ký các khóa học phù hợp cho từng chức danh. Chuyên viên/ Nhân viên được đào tạo năng lực chuyên môn và kỹ năng cần thiết theo yêu cầu công việc và tham gia các kỳ thi/kiểm tra để xác định cấp độ năng lực và tay nghề chuyên môn, đào tạo hội nhập, đào tạo quy chế công ty, đào tạo kỹ năng mềm, đào tạo nhân viên khối kinh doanh về kỹ năng sales, kiến thức sản phẩm, Ngoài ra Công ty cũng hoạch định và phát triển đội ngũ nhân sự kế cận cho các vị trí chủ chốt để đảm bảo nguồn nhân lực ổn định, tạo cơ hội cho người lao động phát triển sự nghiệp và gắn bó lâu dài với Công ty.

2.6 TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Đáp ứng lời kêu gọi ủng hộ của các cơ quan địa phương & đoàn thể, Công ty đã có các hoạt động với mục tiêu góp phần phát triển cộng đồng, ví dụ như: ủng hộ xây dựng Nhà văn hóa Khu 8; ủng hộ xây dựng cho UBND xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh; thăm viếng các anh hùng liệt sỹ, ủng hộ xây dựng nghĩa trang địa phương; kết hợp với Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La tổ chức Chương trình Gian hàng 0 đồng “Kết nối sẻ chia - Trao yêu thương” dành tặng cho các bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại Bệnh viện tỉnh Sơn La; trao tặng 678 suất quà cho Chương trình tình nguyện khám và tư vấn sức khỏe cho người dân thuộc hộ chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại huyện Võ Nhại, tỉnh Thái Nguyên và xã Độc Lập, tỉnh Hòa Bình; tham gia chương trình “Thắp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam” và ủng hộ 25 suất học bổng, mỗi suất trị giá 2 triệu đồng cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn;

trao tặng học bổng cho sinh viên xuất sắc Trường Cao đẳng dược Phú Thọ và Trường ĐH Tân Trào; tặng quà cho người dân có hoàn cảnh khó khăn ăn Tết tại UBND phường Bồ Đề; tham gia chương trình “Phiên chợ 0 đồng cho trẻ em vùng cao” và mang đến nhiều sản phẩm bổ ích thiết thực như: Bữa phở trẻ em, người lớn, bố Gan, các loại trà thảo dược Cà Gai leo, Bột cốm Quế, Hoạt huyết dưỡng não; đồng hành cùng đoàn công tác bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La tham gia khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí và tặng 200 suất quà cho bà con tại xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, phối hợp cùng Công ty cổ phần Fissimec và Câu lạc bộ Thầy thuốc Hà Tĩnh tại Hà Nội tổ chức chương trình khám chữa bệnh, tư vấn miễn phí, phát thuốc, tặng quà cho các đối tượng chính sách, gia đình thương binh, bệnh binh, người nghèo, bệnh nặng tại huyện Đức Thọ và huyện Vũ Quang, Hà Tĩnh... và nhiều hoạt động khác





PHẦN VII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và được thay đổi lần thứ 26 ngày 24 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bỏ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Trần Bình Duyên	Chủ tịch	
Ông Vũ Thành Trung	Thành viên	
Ông Lê Cao Hoàng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/05/2023
Ông Nguyễn Văn Cải	Thành viên	
Ông Phạm Hoàng Linh	Thành viên	
Bà Đoàn Thị Thu Hoài	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 27/05/2023

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bỏ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 27/05/2023
Bà Nhữ Thị Thu Trang	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27/05/2023
Bà Dương Thị Ngọc	Thành viên	
Bà Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bỏ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Vũ Thành Trung	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bình Duyên	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đoàn Thị Thu Hoài	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 29/05/2023

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Thành Trung – Tổng Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CAM KẾT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ông VŨ THÀNH TRUNG

Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 20121/2023/BCTC/IAV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 6 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này vào ngày 30 tháng 03 năm 2023.



NGUYỄN HỮU HOÀN

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2417-2023-283-1

DƯƠNG VĂN THIỆU

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5353-2020-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		823.096.744.588	831.975.444.232
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	104.847.984.669	127.602.817.725
1. Tiền	111		48.481.761.070	56.433.415.073
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.366.223.599	71.169.402.652
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		94.772.592.688	29.700.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	94.772.592.688	29.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		390.417.788.408	381.322.053.917
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	318.909.257.763	288.329.304.147
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	71.447.037.558	69.633.080.349
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.873.965.729	23.359.669.421
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(2.812.472.642)	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	230.958.857.434	289.465.077.841
1. Hàng tồn kho	141		230.958.857.434	289.465.077.841
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.099.521.389	3.885.494.749
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	427.403.281	789.993.253
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.585.615.680
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.9	1.672.118.108	509.885.816
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		709.823.774.029	527.290.485.044
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		85.559.448.274	3.481.227.534
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	85.559.448.274	3.481.227.534
II. Tài sản cố định	220		337.035.999.196	318.084.548.044
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	153.064.091.477	159.418.491.461
- Nguyên giá	222		209.256.510.267	196.504.449.399
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.192.418.790)	(37.085.957.938)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.11	26.115.600.252	16.571.943.937
- Nguyên giá	225		35.238.581.023	20.499.599.222
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.122.980.771)	(3.927.655.285)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.12	157.856.307.467	142.094.112.646
- Nguyên giá	228		159.846.362.528	142.751.362.528
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.990.055.061)	(657.249.882)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		264.582.844.889	202.254.617.121
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.13	264.582.844.889	202.254.617.121
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.14	20.000.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		20.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.645.481.670	3.470.092.345
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	2.645.481.670	3.470.092.345
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.532.920.518.617	1.359.265.929.276

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		844.248.396.146	711.035.394.093
I. Nợ ngắn hạn	310		799.144.132.464	654.072.805.548
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.15	94.164.743.608	55.074.792.547
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.16	452.739.347	2.713.918.116
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	10.875.617.933	8.949.272.246
4. Phải trả người lao động	314		2.083.967.591	4.140.379.867
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	1.371.080.529	2.565.812.244
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	4.775.314.745	6.588.840.641
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.19	505.312.702	124.648.550
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.20	679.477.174.315	570.976.621.190
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.438.181.694	2.938.520.147
II. Nợ dài hạn	330		45.104.263.682	56.962.588.545
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.19	2.623.311.900	1.965.661.900
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.20	42.480.951.782	54.996.926.645
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		688.672.122.471	648.230.535.183
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.21	688.672.122.471	648.230.535.183
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		356.500.000.000	356.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		356.500.000.000	356.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		159.200.000.000	159.200.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		12.607.975.389	7.166.452.294
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		160.364.147.082	125.364.082.889
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		117.201.798.247	70.948.851.944
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43.162.348.835	54.415.230.945
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.532.920.518.617	1.359.265.929.276



Người lập biểu

Nguyễn Thị Hương



Kế toán trưởng

NGUYỄN MẠNH THẮNG



Tổng Giám đốc

VŨ THÀNH TRUNG

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.482.341.922.333	1.180.074.552.995
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	622.238.801	1.123.380.440
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.481.719.683.532	1.178.951.172.555
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	1.323.480.020.325	1.013.761.838.164
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		158.239.663.207	165.189.334.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	6.130.105.302	2.961.052.513
7. Chi phí tài chính	22	5.5	58.874.378.815	44.120.167.623
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		58.596.999.362	42.424.903.383
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	25.672.546.257	31.921.668.329
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	30.829.595.637	28.720.817.891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		48.993.247.800	63.387.733.061
11. Thu nhập khác	31	5.8	655.912.019	555.193.282
12. Chi phí khác	32	5.9	152.891.592	239.865.095
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		503.020.427	315.328.187
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		49.496.268.227	63.703.061.248
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	6.333.919.392	9.287.830.303
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		43.162.348.835	54.415.230.945
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11	1.211	1.603
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.11	1.211	1.603

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

NGUYỄN MẠNH THẮNG



Tổng Giám đốc

VŨ THÀNH TRUNG

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.528.527.030.398	1.216.591.716.055
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(1.262.823.691.484)	(1.052.199.206.143)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(38.697.029.950)	(38.768.560.429)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(60.291.932.678)	(42.224.910.031)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(16.913.867.803)	(2.685.981.822)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.578.289.194	3.643.425.424
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(90.208.746.705)	(18.086.772.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.170.050.972	66.269.710.395
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(103.054.718.743)	(259.735.780.645)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	250.000.000	462.983.165
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(115.072.592.688)	(29.700.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.965.820.304	2.595.642.293
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(182.911.491.127)	(286.377.155.187)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	155.700.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.238.830.472.170	1.035.702.610.753
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.120.932.922.308)	(916.457.632.055)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(21.912.971.600)	(17.098.313.824)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	95.984.578.262	257.846.664.874
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(22.756.861.893)	37.739.220.082
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	127.602.817.725	89.871.170.714
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.028.837	(7.573.071)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	104.847.984.669	127.602.817.725

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng

NGUYỄN MẠNH THẮNG



Tổng Giám đốc

VŨ THÀNH TRUNG

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105196582 đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 03 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và được thay đổi lần thứ 26 ngày 24 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 356.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi sáu tỷ, năm trăm triệu đồng). Tổng số cổ phần là 35.650.000 cổ phần.

Danh sách cổ đông [chủ sở hữu] tại ngày 31/12/2023 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ
		VND	Cổ phần	%
1.	Ông Vũ Thành Trung	71.500.000.000	7.150.000	20,06%
2.	Các cổ đông khác	285.000.000.000	28.500.000	79,94%
		356.500.000.000	35.650.000	100,00%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 229 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 246 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là Sản xuất và bán buôn dược liệu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong năm, ngành nghề hoạt động chính của Công ty là: Đại lý môi giới, đấu giá hàng hóa (Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm); Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột); Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Doanh nghiệp bán buôn thuốc (không hoạt động tại trụ sở chính); Doanh nghiệp bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: tinh dầu, chất màu, dầu thơm và hương liệu, sô đa, muối công nghiệp; Bán buôn dược phẩm (thuốc tân dược, vắc xin, sinh phẩm y tế); Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm; Trồng cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc giống cây hàng năm; Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Xử lý hạt giống để nhân giống;

Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh); Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản); Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản); Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp; Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ); Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tinh dầu tự nhiên); Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất nguyên liệu làm thuốc tân dược; Sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế (Chế phẩm sinh học cho người dùng); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản); Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh).

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

1.5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2023, Công ty có văn bản xin tạm dừng sử dụng mặt bằng kho bảo quản đã được thẩm định cho phạm vi hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc và Bộ Y tế đã có Quyết định số 4161/QĐ-BYT ngày 09/11/2023 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam.

Theo Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐQT/DLVN của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam ngày 11/10/2023 về việc dừng triển khai Hồ sơ đăng ký việc chào bán thêm cổ phần ra công chúng đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.

1.6. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Các Công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần VIBFA	TP. Hà Nội	40,00%	40,00%	Phân phối sản phẩm

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Trụ sở CP Cổ phần Dược liệu Việt Nam	Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam tại Hà Nội	Số nhà 139, phố Hồng Tiến, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam tại Hải Phòng	Số SB.02 Khu đô thị Cầu Rào 2, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam tại Hồ Chí Minh	D9-04 đường D9 khu nhà phố Mahattan Vinhomes Grand Park, phường Long Bình, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3.5. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu áp dụng)

	Năm nay [Số năm]	Năm trước [Số năm]
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 07	04 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06	04 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 15	03 - 15

3.8. Thuê tài sản

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10

3.9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (581 tháng), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

3.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

3.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Các khoản chi phí phải gánh chịu.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng kể từ khi Công ty bắt đầu đi vào hoạt động.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

3.13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.14. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản khách hàng trả trước tiền thuê tài sản cho nhiều kỳ. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

3.17. Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

3.18. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.19. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.20. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.21. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.22. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

3.23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.25. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. [Cần xem xét kỹ các khoản mục công nợ tài chính căn cứ vào thực tế của Công ty để bổ sung và lược bỏ- trình bày nhất quán với Thuyết minh số 52] Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.26. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	5.870.552.873	3.818.794.622
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.611.208.197	52.614.620.451
Các khoản tương đương tiền	56.366.223.599	71.169.402.652
	104.847.984.669	127.602.817.725

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	94.772.592.688	94.772.592.688	29.700.000.000	29.700.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	94.772.592.688	94.772.592.688	29.700.000.000	29.700.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
	94.772.592.688	94.772.592.688	29.700.000.000	29.700.000.000

(i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam với lãi suất từ 1,75%/năm đến 6,7% năm.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Dược Hà Nội	34.661.136.845	31.968.621.057
Bệnh viện Y học cổ truyền (TP. Hồ Chí Minh)	12.498.298.360	5.630.939.650
Bệnh viện đa khoa Tỉnh Phú Thọ	32.012.799.910	27.017.839.824
Công ty Cổ phần VITAMEC	22.131.184.427	29.565.979.497
Công ty Cổ phần DP EUPHAR	11.060.656.290	9.579.895.790
Công ty Cổ phần Trung ương Zata	18.179.908.343	-
Công ty Cổ phần TW TACOS	18.289.326.872	-
Công ty Cổ phần Bạc Liêu 333	20.358.841.235	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cathay	11.893.288.951	-
Công ty Cổ phần Expos	19.074.640.651	-
Phải thu khách hàng khác	118.749.175.879	184.566.028.329
	318.909.257.763	288.329.304.147

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Saigonfa	10.584.381.546	-
Công ty TNHH B.PHARMA	48.565.345.525	48.565.345.525
Công ty cổ phần Ecopha	6.623.702.364	-
Công ty TNHH MTV Viên ngọc Duy Phú Thọ	2.405.906.860	6.164.027.600
Trả trước cho người bán là các đối tượng khác	3.267.701.263	14.903.707.224
	71.447.037.558	69.633.080.349

4.5. Phải thu khác

4.5.1. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	214.097.016	-	1.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ		-	144.874.629	-
Phải thu về lãi tiền gửi	1.126.013.552		381.893.445	
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	1.523.755.151	-	1.901.380.721	-
Giá trị bán tài sản thuê tài chính	-	-	19.931.520.626	-
Phải thu khác	10.100.010	-		-
	2.873.965.729	-	23.359.669.421	-

4.5.2. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	4.239.198.274	-	3.414.613.243	-
Công ty CP Dược liệu Trung ương Govamec (i)	40.665.250.000	-	-	-
Công ty CP Sinh học Tuyên Quang (ii)	40.655.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu khác	-	-	66.614.291	-
Cộng	85.559.448.274	-	3.481.227.534	-

(i) Khoản phải thu về Hợp đồng hợp tác đầu tư số 26/2023/HĐHT/VIETMEC-GOVAMEC ngày 26/11/2023 giữa Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam và Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương Govamec về hợp tác đầu tư Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý tại thị xã Sapa, tỉnh Lào Cai; Số vốn tham gia hợp tác là 81.330.500.000 đồng, chiếm 35% tổng mức đầu tư dự án; Phương thức phân chia lợi nhuận sau thuế.

(ii) Khoản phải thu về Hợp đồng hợp tác đầu tư số 25/2023/HĐHT/VM-SHTQ ngày 25/10/2023 giữa Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam và Công ty Cổ phần Sinh học Tuyên Quang về hợp tác đầu tư Dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Số vốn tham gia hợp tác là 81.310.000.000 đồng, chiếm 35% tổng mức đầu tư dự án; Phương thức phân chia lợi nhuận sau thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

4.6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Thời gian VND	Giá gốc VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.				
Bệnh viện đa khoa Trường cao đẳng y tế	Dưới 3 năm	916.989.150	Dưới 3 năm	927.404.100
Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Khê	Dưới 3 năm	306.218.650	Dưới 3 năm	301.745.650
Bệnh viện Đa khoa thị xã Bim Sơn	Dưới 3 năm	375.879.000	Dưới 3 năm	375.879.000
Bệnh viện Thành phố	Dưới 3 năm	203.733.600	Dưới 3 năm	203.733.600
Trung tâm Y tế huyện	Dưới 3 năm	161.221.620	Dưới 3 năm	512.033.550
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam	Dưới 3 năm	618.465.280	Dưới 3 năm	492.872.680
Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Định	Dưới 3 năm	140.530.950	Dưới 3 năm	183.750.000
Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phước Hạnh	Dưới 3 năm	454.707.750	Dưới 3 năm	332.259.900
Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Thăng Hoa	Dưới 3 năm	303.918.930	Dưới 3 năm	-
Các đối tượng khác	Trên 6 tháng	904.468.443	Trên 6 tháng	2.028.073.153
	-	4.386.133.373	-	5.357.751.633

4.7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	157.093.354.783	-	136.229.107.689	-
Công cụ dụng cụ	-	-	32.306.361	-
Chi phí SXKD dở dang	5.236.069.256	-	2.578.239.495	-
Thành phẩm	8.703.837.781	-	26.249.837.891	-
Hàng hóa	59.862.078.937	-	54.380.876.600	-
Hàng gửi đi bán	63.516.677	-	69.994.709.805	-
	230.958.857.434	-	289.465.077.841	-

4.8. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

4.8.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	116.479.287	28.855.894
Chi phí bảo hiểm	148.280.875	327.244.241
Chi phí quảng cáo	-	230.680.089
Các khoản khác	162.643.119	203.213.029
	427.403.281	789.993.253

4.8.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	1.315.779.575	1.417.873.352
Chi phí mua bảo hiểm	89.691.844	122.657.104
Chi phí thuê đất	420.209.702	432.360.338
Các khoản khác	819.800.549	1.497.201.551
	2.645.481.670	3.470.092.345

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

4.9. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán	-	-	78.131.909.885	67.731.477.879	10.400.432.006	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	509.885.816	635.572.675	125.686.859	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	647.293	647.293	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.907.830.303	-	6.333.919.392	16.913.867.803	-	1.672.118.108
Thuế thu nhập cá nhân	41.441.943	-	1.539.717.222	1.105.973.238	475.185.927	-
Thuế nhà đất	-	-	1.407.103	1.407.103	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	67.105.491	67.105.491	-	-
	8.949.272.246	509.885.816	86.710.279.061	85.946.165.666	10.875.617.933	1.672.118.108

Ghi chú: Công ty được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ thực hiện dự án mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn với mức thuế suất 17% trong thời gian 10 năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới. Công ty được miễn 02 năm thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế phát sinh từ dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm tài chính 2023 là năm thứ 4 (bốn) có thu nhập phát sinh từ dự án đầu tư mới.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

4.10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số đầu năm	103.773.387.648	72.644.172.961	9.235.532.845	7.225.578.120	3.625.777.825	196.504.449.399
Tăng trong năm	3.412.623.172	4.011.093.757	1.804.940.000	116.727.273	4.226.082.639	13.571.466.841
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.412.623.172	-	-	-	4.226.082.639	7.638.705.811
- Mua trong năm	-	4.011.093.757	1.804.940.000	116.727.273	-	5.932.761.030
Giảm trong năm	(119.896.652)	(121.600.231)	(545.454.545)	-	(32.454.545)	(819.405.973)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(121.600.231)	(545.454.545)	-	(32.454.545)	(699.509.321)
- Giảm khác	(119.896.652)	-	-	-	-	(119.896.652)
Số cuối năm	107.066.114.168	76.533.666.487	10.495.018.300	7.342.305.393	7.819.405.919	209.256.510.267
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	16.562.679.230	13.711.323.372	2.341.629.192	2.961.659.778	1.508.666.366	37.085.957.938
Tăng trong năm	5.278.645.080	10.976.528.817	1.397.610.645	1.082.282.802	710.276.754	19.445.344.098
- Khấu hao trong năm	5.278.645.080	10.976.528.817	1.397.610.645	1.082.282.802	710.276.754	19.445.344.098
Giảm trong năm	(1.198.967)	-	(305.229.734)	-	(32.454.545)	(338.883.246)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(305.229.734)	-	(32.454.545)	(337.684.279)
- Giảm khác	(1.198.967)	-	-	-	-	(1.198.967)
Số cuối năm	21.840.125.343	24.687.852.189	3.434.010.103	4.043.942.580	2.186.488.575	56.192.418.790
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
- Tại ngày đầu năm	87.210.708.418	58.932.849.589	6.893.903.653	4.263.918.342	2.117.111.459	159.418.491.461
- Tại ngày cuối năm	85.225.988.825	51.845.814.298	7.061.008.197	3.298.362.813	5.632.917.344	153.064.091.477
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
- Tại ngày đầu năm	3.605.548.427	2.250.790.500	372.932.845	39.090.909	769.970.681	7.038.333.362
- Tại ngày cuối năm	3.605.548.427	2.250.790.500	468.932.845	39.090.909	737.516.136	7.101.878.817
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:						
- Tại ngày đầu năm	87.210.708.418	42.439.628.359	6.408.200.000	-	-	136.058.536.777
- Tại ngày cuối năm	85.225.988.825	51.845.814.298	5.862.745.455	-	-	142.934.548.578

4.11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	20.499.599.222	20.499.599.222
Tăng trong năm	18.455.111.691	18.455.111.691
- Thuê tài chính trong năm	18.455.111.691	18.455.111.691
Giảm trong năm	(3.716.129.890)	(3.716.129.890)
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(3.716.129.890)	(3.716.129.890)
Số cuối năm	35.238.581.023	35.238.581.023
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	3.927.655.285	3.927.655.285
Tăng trong năm	7.724.358.321	7.724.358.321
- Khấu hao trong năm	7.724.358.321	7.724.358.321
Giảm trong năm	(2.529.032.835)	(2.529.032.835)
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(2.529.032.835)	(2.529.032.835)
Số cuối năm	9.122.980.771	9.122.980.771
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
- Tại ngày đầu năm	16.571.943.937	16.571.943.937
- Tại ngày cuối năm	26.115.600.252	26.115.600.252

4.12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	142.572.682.528	178.680.000	142.751.362.528
Tăng trong năm	17.095.000.000	-	17.095.000.000
- Mua trong năm	17.095.000.000	-	17.095.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	159.667.682.528	178.680.000	159.846.362.528
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	627.469.884	29.779.998	657.249.882
Tăng trong năm	1.254.939.768	77.865.411	1.332.805.179
- Khấu hao trong năm	1.254.939.768	77.865.411	1.332.805.179
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.882.409.652	107.645.409	1.990.055.061
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
- Tại ngày đầu năm	141.945.212.644	148.900.002	142.094.112.646
- Tại ngày cuối năm	157.785.272.876	71.034.591	157.856.307.467

4.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Máy móc, thiết bị hệ thống xưởng sản xuất thuốc điều trị Ung thư	79.275.269.136	77.743.351.398
Máy móc, thiết bị hệ thống nghiên cứu kiểm nghiệm	9.022.226.690	9.022.226.690
Hệ thống hút khói nhà 05 tầng tại NM Phú Thọ	602.742.536	562.037.037
Chi phí mua đất cho Dự án Trung tâm bảo tồn nguồn dược liệu quý và phát triển dược liệu dưới tán rừng (i)	88.000.000.000	88.000.000.000
Chi phí đầu tư dự án IPO	13.601.005.583	9.990.285.110
Chi phí đầu tư Nhà thuốc tại Ngô Gia Tự	424.468.000	-
Chi phí san lấp tại Nhà máy Phú Thọ	6.954.850.000	-
Chi phí mua đất cho dự án mở rộng quy mô, cảnh quan Nhà máy Phú Thọ	-	16.000.000.000
Chi phí mua đất mở Chi nhánh tại Hải Phòng	15.394.000.000	-
Chi phí mua đất mở Chi nhánh tại Đà Nẵng	50.473.812.000	-
Chi phí đầu tư khác	834.470.944	936.716.886
	264.582.844.889	202.254.617.121

(i) Theo Nghị quyết số 05A/2022/NQ-HĐQT/DLVN ngày 13/05/2022 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam về việc phê duyệt Dự án thành lập Trung tâm bảo tồn nguồn dược liệu quý và phát triển dược liệu dưới rừng tại xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, Công ty đã mua 02 lô đất với tổng diện tích là 571.000 m² tại xã Yên Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ với giá chuyển nhượng là 88.000.000.000 đồng; Mục đích sử dụng: RTs; Thời hạn sử dụng: Đến năm 2054, Công ty đang thực hiện chuyển đổi thời hạn sử dụng đất thành 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần VIBFA	20.000.000.000	-	(i)	-
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-
	20.000.000.000	-	-	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần VIBFA được thành lập tính đến ngày 31/12/2023 chưa đủ 03 tháng để lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động đầu tiên.

4.15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Dược phẩm Hải Minh	2.848.467.270	2.848.467.270	630.080.007	630.080.007
Công ty CP Dược phẩm Benovas - CN Hà Nội	4.093.285.581	4.093.285.581	93.312.000	93.312.000
Công ty TNHH Dược phẩm Đa Phúc	2.352.472.571	2.352.472.571	643.925.234	643.925.234
Công ty CP Venzor	16.740.190.228	16.740.190.228	-	-
Công ty cổ phần Dược Sơn Lâm	2.072.236.028	2.072.236.028	387.842.364	387.842.364
Vũ Kim Nhung	8.360.253.191	8.360.253.191	736.782.731	736.782.731
Hộ kinh doanh Đỗ Thị Ngà	2.290.231.546	2.290.231.546	1.865.627.446	1.865.627.446
Công ty CP Trung ương Fisamec	9.737.184.624	9.737.184.624	1.596.631.026	1.596.631.026
y dược Thăng Long	3.039.869.280	3.039.869.280	428.549.940	428.549.940
Công ty CP Dược phẩm Thành Phát	3.411.129.324	3.411.129.324	322.791.000	322.791.000
Công ty CP PTCN XD Vạn Phúc	2.011.238.000	2.011.238.000	-	-
Các đối tượng khác	37.208.185.965	37.208.185.965	48.369.250.799	48.369.250.799
	94.164.743.608	94.164.743.608	55.074.792.547	55.074.792.547

4.16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH ĐT&PT Bền vững cây thuốc và cây thực phẩm	-	1.328.374.320
Công ty TNHH Novell	-	460.590.000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương I	244.545.000	-
Các đối tượng khác	208.194.347	924.953.796
	452.739.347	2.713.918.116

4.17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.371.080.529	853.593.068
Chi phí lãi vay trái phiếu	-	1.712.219.176
	1.371.080.529	2.565.812.244

4.18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước từ bán tài sản thuê tài chính	4.706.314.745	6.588.840.641
Doanh thu chưa thực hiện khác	69.000.000	-
	4.775.314.745	6.588.840.641

4.19. Phải trả khác

4.19.1. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	119.017.250	-
Bảo hiểm xã hội	-	68.556.550
Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Thọ	86.575.452	-
Thù lao Hội đồng quản trị	250.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.720.000	56.092.000
	505.312.702	124.648.550

4.19.2. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về thu hộ tiền mua cổ phần của CBCNV	1.133.042.000	580.392.000
Phải trả về tiền ràng buộc trách nhiệm của CBCNV	1.490.269.900	1.385.269.900
	2.623.311.900	1.965.661.900

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.20. Vay và nợ thuê tài chính

4.20.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	489.939.054.002	489.939.054.002	1.218.089.515.118	1.049.824.992.055	658.203.577.065	658.203.577.065
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	25.117.350.493	25.117.350.493	113.646.721.793	88.393.475.215	50.370.597.071	50.370.597.071
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (2)	37.084.111.536	37.084.111.536	36.909.581.843	73.993.693.379	-	-
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (3)	353.630.985.575	353.630.985.575	718.353.756.603	662.448.779.064	409.535.963.114	409.535.963.114
Ngân hàng Sinopac (4)	74.106.606.398	74.106.606.398	140.802.224.812	145.159.992.016	69.748.839.194	69.748.839.194
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam (5)	-	-	80.011.078.318	40.060.000.000	39.951.078.318	39.951.078.318
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam (6)	-	-	99.845.545.358	29.889.145.381	69.956.399.977	69.956.399.977
Ngân hàng TNHH MTV Huanan Việt Nam (7)	-	-	4.732.923.684	-	4.732.923.684	4.732.923.684
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (8)	-	-	13.907.775.707	-	13.907.775.707	13.907.775.707
Đỗ Thị Nhung	-	-	9.879.907.000	9.879.907.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	12.284.596.920	12.284.596.920	10.164.596.916	11.084.596.920	11.364.596.916	11.364.596.916
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	8.752.970.268	8.752.970.268	14.120.908.941	12.964.878.875	9.909.000.334	9.909.000.334
Trái phiếu đến kỳ hạn	60.000.000.000	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	570.976.621.190	570.976.621.190	1.242.375.020.975	1.133.874.467.850	679.477.174.315	679.477.174.315

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 020823-2751778-01-SME ký ngày 07/08/2023, hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng 12 tháng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành LC phục vụ hoạt động kinh doanh được, thiết bị y tế và thực phẩm chức năng. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng kỳ hạn ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CX 432394, số vào sổ cấp GCN: CT16020 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/01/2021 tại số SB.02 khu đô thị Vinhomes Marina, thành phố Hải Phòng của ông Vũ Thành Trung (Tổng Giám đốc Công ty);
 - 01 xe ô tô nhãn hiệu Honda City BKS: 19A-383-66, số khung: RLHGN2685MY003704, số máy: L15ZC1005499 của Công ty;
 - Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thăng Long.
- (2) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 148/2022/HDTD/DDA ngày 05 tháng 07 năm 2022 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng, thời gian cấp tín dụng 12 tháng. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng kỳ hạn ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Xe ô tô con, nhãn hiệu Landrover, biển số xe 30A-909.99 của ông Vũ Thành Trung (Tổng Giám đốc công ty);
 - Xe ô tô con, nhãn hiệu Porche Maca, biển số xe 30H-801.84 của Công ty;
 - Xe ô tô con, nhãn hiệu Ford Ecosport, biển số xe 30G-281.46 của Công ty;
 - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty;
- (3) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/3990765/HBTD ký ngày 08/08/2023 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hạn mức tín dụng là 450.000.000.000 đồng. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng kỳ hạn ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- Bất động sản tại Thửa đất số 1(6), tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại Tổ 10, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, diện tích 142,0 m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 999011, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 01480 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 25/07/2018 cho Công ty Cổ phần Dược Liệu Việt Nam;
 - Bất động sản tại Thửa đất số 1(7), tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại Tổ 10, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, diện tích 136,0 m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 999012, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 01481 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 25/07/2018 cho Công ty Cổ phần Dược Liệu Việt Nam;
 - Bất động sản tại Thửa số 15, tờ bản đồ số 03, địa chỉ tại Tổ 10, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, diện tích 175,8m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 858870, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 00883 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 15/09/2016 cho Công ty Cổ phần Dược Liệu Việt Nam;
 - Bất động sản tại Thửa số 124, tờ bản đồ số 111, địa chỉ Thôn Biều Khê, Xã Thụy Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, diện tích 300,0 m² được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số ĐĐ 710372, số vào sổ cấp GCN: CS 66506 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 18/11/2021 cho ông Vũ Trung Thành (Tổng Giám đốc công ty);

- Bất động sản tại Thừa số 30, tờ bản đồ số 03-84/PA-CL, địa chỉ Thôn Sáp Mai, Xã Võng La, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, diện tích 80,0 m2 được ghi nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 888523, số vào sổ cấp GCN: CS 66297 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2021 cho ông Vũ Trung Thành (Tổng Giám đốc công ty);
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ AD09-76 Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, diện tích 304,0 m2 được ghi nhận nhận tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 742082, số vào sổ cấp GCN: CS 24966 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 01/06/2018 của bên thứ 3;
 - Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty, ông Vũ Thành Trung (Tổng Giám đốc công ty) và Bên thứ 3;
- (4) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Sinopac – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 221035 ngày 17 tháng 10 năm 2022 và bản sửa đổi hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 221035-SDBS1 ngày 06/11/2023 về việc gia hạn thời gian cấp tín dụng đến 31/10/2024 và hạn mức cấp tín dụng là 4.000.000 USD hoặc các khoản tiền tương đương bằng đồng Việt Nam nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh để mua nguyên vật liệu thô/thuốc và thiết bị y tế và tài trợ hoạt động thanh toán quốc tế. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ, khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng Sinopac CN Hồ Chí Minh.
- (5) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng cho vay hạn mức số VN123002314-001/2023-HĐCVHMWBVN101 ngày 31 tháng 03 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh để mua nguyên vật liệu thô/ thuốc và thiết bị y tế và tài trợ hoạt động thanh toán quốc tế. Hạn mức tín dụng là 40 tỷ VND. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ, khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm.
- (6) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong – Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số HN/2023/04/BCB/HDTD ngày 05 tháng 05 năm 2023 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh để mua nguyên vật liệu thô/ thuốc và thiết bị y tế và tài trợ hoạt động thanh toán quốc tế. Hạn mức tín dụng là 70 tỷ VND. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ, khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong – Cn Hà Nội.
- (7) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Hua Nan commercial, Ltd – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số HNHCMCFL-S/76/2023 ngày 23 tháng 10 năm 2023 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh để mua nguyên vật liệu thô/ thuốc và thiết bị y tế và tài trợ hoạt động thanh toán quốc tế. Hạn mức tín dụng là 3.000.000 USD. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ, khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng Hua Nan commercial, Ltd – Chi nhánh Hồ Chí Minh.
- (8) Là các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương VN theo hợp đồng tín dụng số DDA20231309798/HDTD ngày 24 tháng 10 năm 2023 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh để mua nguyên vật liệu thô/ thuốc và thiết bị y tế và tài trợ hoạt động thanh toán quốc tế. Hạn mức tín dụng là 80 tỷ VND. Thời hạn vay và lãi suất quy định trong từng khế ước nhận nợ, Khoản vay được đảm bảo bằng: Hợp đồng mua bán nhà ở số D9-04/VHGP/HĐMBNO ký ngày 07/08/2020; Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở thương mại số công chứng 026120, quyển số 20 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/10/2020 và Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở thương mại số công chứng 015956, quyển số 7/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2022 tại Nhà ở thương mại số D09-04 phường Long Bình, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh Dự án Vinhomes Grand Park.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.20.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	55.186.159.742	55.186.159.742	1.400.000.000	9.951.900.187	46.634.259.555	46.634.259.555
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (1)	54.526.499.742	54.526.499.742	-	9.487.046.858	45.039.452.884	45.039.452.884
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	659.660.000	659.660.000	1.400.000.000	464.853.329	1.594.806.671	1.594.806.671
Nợ thuê tài chính dài hạn	20.848.334.091	20.848.334.091	19.340.957.052	23.069.001.666	17.120.289.477	17.120.289.477
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV (3)	4.923.676.557	4.923.676.557	-	2.694.854.925	2.228.821.632	2.228.821.632
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease (4)	15.924.657.534	15.924.657.534	19.340.957.052	20.374.146.741	14.891.467.845	14.891.467.845
Trái phiếu phát hành	60.000.000.000	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-	-
Loại phát hành theo mệnh giá	60.000.000.000	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-	-
	136.034.493.833	136.034.493.833	20.740.957.052	93.020.901.853	63.754.549.032	63.754.549.032
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng:						
Nợ dài hạn đến hạn trả	81.037.567.188	81.037.567.188			21.273.597.250	21.273.597.250
Nợ thuê tài chính dài hạn	12.284.596.920	12.284.596.920			11.364.596.916	11.364.596.916
Trái phiếu phát hành	8.752.970.268	8.752.970.268			9.909.000.334	9.909.000.334
	60.000.000.000	60.000.000.000			-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	54.996.926.645	54.996.926.645			42.480.951.782	42.480.951.782

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn:

- (1) Là các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2020/3990765/HĐTĐ ký ngày 15 tháng 12 năm 2020 nhằm mục đích thanh toán chi phí hợp lý đầu tư dự án Nhà máy sản xuất thuốc và các sản phẩm trong lĩnh vực y tế GMP-WHO giai đoạn 2 tại Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân lâu trả sau kỳ hạn 24 tháng công 3%/năm và được điều chỉnh 06 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng:
- Toàn bộ số cổ phiếu và toàn bộ quyền lợi phát sinh từ số lượng cổ phiếu sở hữu, bao gồm: quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hay bằng cổ phiếu, quyền được mua cổ phiếu phát hành thêm với giá ưu đãi và các quyền lợi khác, tổng số lượng cổ phiếu đảm bảo là 950.000 cổ phiếu của ông Vũ Thành Trung (TGD công ty);
 - Toàn bộ máy móc thiết bị hình thành trong tương lai của Dự án "Đầu tư nhà máy sản xuất thuốc và các sản phẩm trong lĩnh vực y tế GMP-WHO giai đoạn 2 tại Khu 8, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ" của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam;
- (2) Là các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thăng Long:
- Theo hợp đồng cho vay số 140720-2751778-01-SME ký ngày 15 tháng 7 năm 2020 nhằm mục đích thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô. Thời hạn vay 78 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 8,8%/ năm và được điều chỉnh định kỳ đầu mỗi quý. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô nhãn hiệu Vinfast, số loại Lux SA, BSX 30G-444.36 của Công ty;
 - Theo hợp đồng cho vay số CLC-7758-01 ký ngày 29 tháng 11 năm 2023 nhằm mục đích thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9,8%/ năm và được điều chỉnh định kỳ đầu mỗi quý. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô nhãn hiệu Kia, số loại CARNIVAL KA4 23.5 AFH7, BKS 30K-718.25 của Công ty;
- (3) Là các khoản nợ thuế tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số 21719000172/HĐCTTC ngày 31 tháng 07 năm 2019. Thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất thuê được cố định 8,5%/năm trong vòng 03 tháng đầu tiên của thời hạn thanh toán. Từ tháng thứ 04, lãi suất thuê bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,8%/năm;
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số 21719000173/HĐCTTC ngày 31 tháng 07 năm 2019. Thời hạn thuê 48 tháng, lãi suất thuê được cố định 8,5%/năm trong vòng 03 tháng đầu tiên của thời hạn thanh toán. Từ tháng thứ 04, lãi suất thuê bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,8%/năm;
- (4) Là các khoản nợ thuế tài chính của Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cho thuê tài chính số C210323912 ngày 18 tháng 03 năm 2021. Thời hạn thuê 44 tháng, lãi suất thuê 9,83%/năm;
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C210723012 ngày 26 tháng 07 năm 2021. Thời hạn thuê 42 tháng, lãi suất thuê 9,8%/năm;
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C210725512 ngày 07 tháng 10 năm 2021. Thời hạn thuê 42 tháng, lãi suất thuê 9,83%/năm;
 - Hợp đồng cho thuê tài chính số C211235212 ngày 28 tháng 12 năm 2021. Thời hạn thuê 42 tháng, lãi suất thuê 12,17%/năm;

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

4.20.3. Trái phiếu phát hành theo mệnh giá

	Số cuối năm		Kỳ hạn	Giá trị	Số đầu năm	
	Giá trị	Lãi suất			Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%	Năm	VND	%	Năm
Trái phiếu phát hành	-		-	60.000.000.000		
Loại phát hành theo mệnh giá	-		-	60.000.000.000	Theo thông báo 06 tháng/lần	03 năm

4.20.4. Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng 1 năm	11.364.596.916	12.284.596.920
Trong năm thứ hai	10.187.930.249	11.364.596.916
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	25.081.732.390	25.081.732.390
Sau năm năm	-	6.455.233.516
	46.634.259.555	55.186.159.742
<i>Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	<i>11.364.596.916</i>	<i>12.284.596.920</i>
Số phải trả sau 12 tháng	35.269.662.639	42.901.562.822

4.20.5. Các khoản nợ thuê tài chính được hoàn trả theo lịch sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại các khoản tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả do nợ thuê tài chính:				
- Trong vòng 1 năm	8.752.970.268	8.752.970.268	8.752.970.268	8.752.970.268
- Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.367.319.209	12.095.363.823	8.367.319.209	12.095.363.823
	17.120.289.477	20.848.334.091	17.120.289.477	20.848.334.091
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai			-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả			17.120.289.477	20.848.334.091
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng			9.909.000.334	8.752.970.268
Số phải trả sau 12 tháng			7.211.289.143	12.095.363.823

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

4.21. Vốn chủ sở hữu

4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	270.000.000.000	90.000.000.000	2.152.363.118	78.469.985.708	440.622.348.826
Tăng trong năm trước	86.500.000.000	69.200.000.000	5.014.089.176	54.415.230.945	215.129.320.121
- Tăng vốn trong năm trước	86.500.000.000	69.200.000.000		54.415.230.945	155.700.000.000
- Lãi trong năm trước			5.014.089.176		54.415.230.945
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước				(7.521.133.764)	5.014.089.176
Giảm trong năm trước	-	-	-	(5.014.089.176)	(7.521.133.764)
- Trích quỹ đầu tư phát triển				(2.507.044.588)	(5.014.089.176)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.507.044.588)
Số dư cuối năm trước	356.500.000.000	159.200.000.000	7.166.452.294	125.364.082.889	648.230.535.183
Số dư đầu năm nay	356.500.000.000	159.200.000.000	7.166.452.294	125.364.082.889	648.230.535.183
Tăng trong năm	-	-	5.441.523.095	43.162.348.835	48.603.871.930
- Lãi trong năm			5.441.523.095		43.162.348.835
- Phân phối lợi nhuận trong năm				(8.162.284.642)	5.441.523.095
Giảm trong năm	-	-	-	(5.441.523.095)	(8.162.284.642)
- Trích quỹ Đầu tư phát triển (i)				(2.720.761.547)	(5.441.523.095)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)					(2.720.761.547)
Số dư cuối năm nay	356.500.000.000	159.200.000.000	12.607.975.389	160.364.147.082	688.672.122.471

4.32.1. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn thực góp	Tỷ lệ	Vốn thực góp	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Vũ Thành Trung	71.500.000.000	20,06%	71.500.000.000	20,06%
Vốn của các cổ đông khác	285.000.000.000	79,94%	285.000.000.000	79,94%
	356.500.000.000	100,00%	356.500.000.000	100,00%

4.21.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	356.500.000.000	270.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	86.500.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	356.500.000.000	356.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.21.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.650.000	35.650.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.650.000	35.650.000
+ Cổ phiếu phổ thông	35.650.000	35.650.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.650.000	35.650.000
+ Cổ phiếu phổ thông	35.650.000	35.650.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	đồng/CP.

4.21.4. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	125.364.082.889	78.469.985.708
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	43.162.348.835	54.415.230.945
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	168.526.431.724	132.885.216.653
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(8.162.284.642)	(7.521.133.764)
- Chia cổ tức trong năm	-	-
- Trích quỹ đầu tư phát triển	(5.441.523.095)	(5.014.089.176)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.720.761.547)	(2.507.044.588)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối năm	160.364.147.082	125.364.082.889

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ/DLVN ngày 27/05/2023 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam trên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022, cụ thể như sau:

- Trích quỹ Đầu tư phát triển (10%): 5.441.523.095 đồng
- Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi (5%): 2.720.761.547 đồng

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	811.322.634.419	562.315.070.912
Doanh thu bán thành phẩm, dịch vụ gia công	671.019.287.914	617.759.482.083
	1.482.341.922.333	1.180.074.552.995

5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	323.628.175	-
Hàng bán bị trả lại	298.610.626	1.123.380.440
	622.238.801	1.123.380.440

5.3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán của hàng hóa	754.144.547.783	503.852.433.638
Giá vốn hàng bán của thành phẩm, gia công	569.335.472.542	509.909.404.526
	1.323.480.020.325	1.013.761.838.164

5.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.709.940.411	2.838.846.801
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	420.164.891	122.205.712
	6.130.105.302	2.961.052.513

5.5. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	58.596.999.362	42.424.903.383
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	277.379.453	1.695.264.240
	58.874.378.815	44.120.167.623

5.6. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	20.300.568.825	25.104.621.484
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	512.195.856	52.975.780
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	182.642.028	171.194.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.023.496.478	1.188.653.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.599.274.213	3.246.163.236
Chi phí khác bằng tiền	1.054.368.857	2.158.059.640
	25.672.546.257	31.921.668.329

5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.599.004.990	12.085.194.746
Chi phí vật liệu quản lý	73.588.692	418.593.977
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.055.720.488	1.101.418.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.831.843.840	4.010.498.625
Thuế, phí và lệ phí	120.621.484	280.015.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.412.837.572	5.635.804.585
Chi phí khác bằng tiền	4.923.505.929	5.189.291.633
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản nợ phải thu khó đòi (*)	2.812.472.642	-
	30.829.595.637	28.720.817.891

5.8. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	246.393.129
Thu nhập từ các khoản phạt	168.269.532	264.031.939
Thu nhập khác	487.642.487	44.768.214
	655.912.019	555.193.282

5.9. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	12.952.084	195.508.838
Chi phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	107.394.129	21.492.502
Chi phí khác	32.545.379	22.863.755
	152.891.592	239.865.095

5.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (i)	6.333.919.392	9.287.830.303
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.333.919.392	9.287.830.303

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	49.496.268.227	63.703.061.248
- Các khoản điều chỉnh tăng	542.108.293	10.258.251.716
+) <i> Chi phí không được trừ</i>	542.108.293	10.258.251.716
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	61.093.194
+) <i> Các khoản khác</i>	-	61.093.194
Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	50.038.376.520	73.900.219.770
Thu nhập từ HĐKD được ưu đãi thuế suất 17%	31.945.703.591	47.758.379.576
Thu nhập từ HĐKD chịu thuế suất 20%	18.092.672.929	26.141.840.194
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD được ưu đãi (thuế suất 17%) và được giảm 50%	2.715.384.805	4.059.462.264
Chi phí thuế TNDN từ HĐKD chịu thuế suất 20%	3.618.534.587	5.228.368.039
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp trong năm	6.333.919.392	9.287.830.303

5.11. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	43.162.348.835	54.415.230.945
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	2.720.761.547
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	43.162.348.835	57.135.992.492
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	35.650.000	35.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ Cổ phiếu)	1.211	1.603
b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm (cổ phiếu)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.211	1.603

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại do Công ty thực hiện phân trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ/DLVN ngày 27/05/2023 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam trên lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2022.

Phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức và phát hành cổ phần mới không được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, do đó lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm trước không bị ảnh hưởng pha loãng từ các đợt dự kiến phát hành cổ phần.

5.12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	547.957.221.476	510.054.318.447
Chi phí nhân công	41.094.517.065	44.961.260.226
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	3.422.167.269	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.973.381.329	21.666.850.133
Thuế, phí và lệ phí	33.773.206	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.211.140.649	11.923.122.504
Chi phí khác bằng tiền	3.972.508.296	10.705.490.824
	634.664.709.290	599.311.042.134

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.238.830.472.170	1.035.702.610.753
	1.238.830.472.170	1.035.702.610.753

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.082.845.893.908	933.555.945.879
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	60.000.000.000	-
	1.142.845.893.908	933.555.945.879

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

7.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu [các cổ đông] thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	721.958.126.097	625.973.547.835
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	104.847.984.669	127.602.817.725
Nợ thuần	617.110.141.428	498.370.730.110
Vốn chủ sở hữu	688.672.122.471	648.230.535.183
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,90	0,77

7.2. Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

7.3. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ (i)	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	104.847.984.669	127.602.817.725
Phải thu khách hàng, phải thu khác	410.155.144.408	315.170.201.102
Các khoản cho vay	-	-
Đầu tư ngắn hạn	94.772.592.688	29.700.000.000
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	-
	629.775.721.765	472.473.018.827

	Giá trị ghi sổ (i)	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	97.293.368.210	57.165.102.997
Chi phí phải trả	1.371.080.529	2.565.812.244
Vay và nợ	721.958.126.097	625.973.547.835
	820.622.574.836	685.704.463.076

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

7.4. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường

xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu [các cổ đông] cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm				
Tiền và tương đương tiền	127.602.817.725	-	-	127.602.817.725
Phải thu khách hàng, phải thu khác	311.688.973.568	3.481.227.534	-	315.170.201.102
Đầu tư ngắn hạn	29.700.000.000	-	-	29.700.000.000
	468.991.791.293	3.481.227.534	-	472.473.018.827

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày cuối năm				
Tiền và tương đương tiền	104.847.984.669	-	-	104.847.984.669
Phải thu khách hàng, phải thu khác	318.970.750.850	85.559.448.274	-	404.530.199.124
Đầu tư ngắn hạn	94.772.592.688	-	-	94.772.592.688
Đầu tư dài hạn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
	518.591.328.207	85.559.448.274	20.000.000.000	624.150.776.481

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Sau 05 năm VND	Tổng VND
Tại ngày đầu năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	55.199.441.097	-	-	55.199.441.097
Chi phí phải trả	2.565.812.244	-	-	2.565.812.244
Vay và nợ	570.976.621.190	54.996.926.645	1.965.661.900	627.939.209.735
	628.741.874.531	54.996.926.645	1.965.661.900	685.704.463.076
Tại ngày cuối năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	94.670.056.310	2.623.311.900	-	97.293.368.210
Chi phí phải trả	1.371.080.529	-	-	1.371.080.529
Vay và nợ	679.477.174.315	42.480.951.782	-	721.958.126.097
	775.518.311.154	45.104.263.682	-	820.622.574.836

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

8.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng thu nhập Ban Điều hành và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Trần Bình Duyên	Chủ tịch	50.000.000	-
Vũ Thành Trung	Thành viên	40.000.000	-
Nguyễn Văn Cải	Thành viên	40.000.000	-
Phạm Hoàng Linh	Thành viên	40.000.000	-
Đoàn Thị Thu Hoài	Thành viên	40.000.000	-
Ban kiểm soát			
Nguyễn Thị Tuyết Mai	Trưởng ban	20.000.000	-
Dương Thị Ngọc	Thành viên	10.000.000	-
Trần Thị Thanh Tâm	Thành viên	10.000.000	-
Ban Điều hành			
Vũ Thành Trung	Tổng Giám đốc	690.855.785	715.673.739
Trần Bình Duyên	Phó Tổng Giám đốc	509.386.174	527.685.105
Đoàn Thị Thu Hoài	Phó Tổng Giám đốc	437.944.137	-
Đoàn Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng	248.365.082	710.963.846
Nguyễn Mạnh Thắng	Kế toán trưởng	229.135.764	-
		2.365.686.942	1.954.322.690

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

8.2.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần VIBFA	Hà Nội	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:
Công ty thực hiện mua 02 tài sản thuộc sở hữu của ông Vũ Thành Trung theo Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐQT/DLVN và 35/2023/NQ-HĐQT/DLVN ngày 14/12/2023 về việc phê duyệt giá trị mua

tài sản làm chi nhánh của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam tại Hải Phòng và Đà Nẵng với giá trị chuyển nhượng 02 lô đất lần lượt là 15.394.000.000 đồng và 50.473.812.000 đồng.

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác

Công ty không có số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan trong năm tài chính 2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

8.3. Thông tin về bộ phận

Theo Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính. Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Năm trước

Chi tiêu	Kinh doanh được phẩm và vật tư y tế		Sản xuất và kinh doanh được liệu		Hoạt động khác		Tổng bộ phận đã báo cáo		Tổng bộ phận đã báo cáo	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	616.371.693.494	562.315.070.912	-	-	264.408.149	1.178.951.172.555	1.178.951.172.555	-	1.178.951.172.555	-
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Khấu hao và chi phí phân bổ	563.076.158.204	552.389.214.391	-	-	98.066.899	1.115.563.439.494	1.115.563.439.494	-	1.115.563.439.494	-
Lợi nhuận từ hoạt động KD	53.295.535.290	9.925.856.521	-	-	166.341.250	63.387.733.061	63.387.733.061	-	63.387.733.061	-
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	127.490.120.802	116.173.488.889	-	-	54.647.424	243.718.257.115	243.718.257.115	-	243.718.257.115	-
Tài sản bộ phận cuối năm	846.835.290.337	354.986.417.883	-	-	141.403.331	1.201.963.111.551	1.201.963.111.551	-	1.201.963.111.551	-
Tài sản không phân bổ cuối năm	-	-	-	-	-	157.302.817.725	157.302.817.725	-	157.302.817.725	-
Tổng Tài sản cuối năm	846.835.290.337	354.986.417.883	-	-	141.403.331	1.359.265.929.276	1.359.265.929.276	-	1.359.265.929.276	-
Nợ phải trả bộ phận cuối năm	434.907.063.485	273.061.363.772	-	-	128.446.689	708.096.873.946	708.096.873.946	-	708.096.873.946	-
Nợ phải trả không phân bổ cuối năm	-	-	-	-	-	2.938.520.147	2.938.520.147	-	2.938.520.147	-
Tổng Nợ phải trả cuối năm	434.907.063.485	273.061.363.772	-	-	128.446.689	711.035.394.093	711.035.394.093	-	711.035.394.093	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Năm nay	Kinh doanh được phẩm và vật tư y tế VND	Sản xuất và kinh doanh được liệu VND	Hoạt động khác VND	Tổng bộ phận đã báo cáo VND	Tổng bộ phận đã báo cáo VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	810.905.415.465	562.435.003.171	114.509.370.198	1.487.849.788.834	1.487.849.788.834
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Khấu hao và chi phí phân bổ	784.203.197.096	543.914.640.639	110.738.703.299	1.438.856.541.034	1.438.856.541.034
Lợi nhuận từ hoạt động KD	26.702.218.369	18.520.362.532	3.770.666.899	48.993.247.800	48.993.247.800
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	133.351.691.582	92.491.254.402	18.830.825.306	244.673.771.290	244.673.771.290
Tài sản bộ phận cuối năm	748.447.975.020	519.115.215.136	105.689.645.933	1.373.252.836.089	1.373.252.836.089
Tài sản không phân bổ cuối năm	-	-	-	159.667.682.528	159.667.682.528
Tổng Tài sản cuối năm	748.447.975.020	519.115.215.136	105.689.645.933	1.532.920.518.617	1.532.920.518.617
Nợ phải trả bộ phận cuối năm	457.166.946.927	317.085.924.376	64.557.343.149	838.810.214.452	838.810.214.452
Nợ phải trả không phân bổ cuối năm	-	-	-	5.438.181.694	5.438.181.694
Tổng Nợ phải trả cuối năm	457.166.946.927	317.085.924.376	64.557.343.149	844.248.396.146	844.248.396.146

8.4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

8.5. Thông tin khác

Năm 2023, Công ty có văn bản xin tạm dừng sử dụng mặt bằng kho bảo quản đã được thẩm định cho phạm vi hoạt động kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc và Bộ Y tế đã có Quyết định số 4161/QĐ/BYT ngày 09/11/2023 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược của Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam.



Người lập biểu

Nguyễn Thị Hương



Kế toán trưởng

NGUYỄN MẠNH THẮNG



Tổng Giám đốc

VŨ THÀNH TRUNG

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

PHỤ LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THANH TRUNG